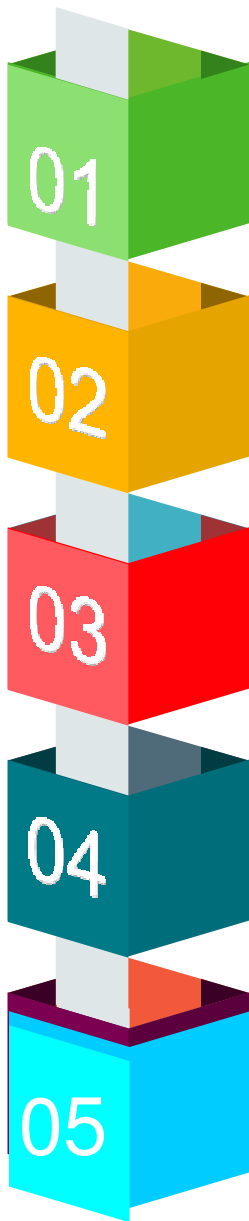


**DTT**

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN  
NĂM 2017**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH  
DO THANH TECHNOLOGY CORPORATION**

# MỤC LỤC



## **GIỚI THIỆU CÔNG TY**

Thông tin chung  
Quá trình hình thành và phát triển  
Ngành nghề và địa bàn kinh doanh  
Mô hình quản trị, cơ cấu tổ chức.  
Công ty liên kết.  
Định hướng phát triển

## **TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM**

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh  
Tổ chức và nhân sự  
Các chính sách đối với người lao động  
Tình hình hoạt động đầu tư  
Tình hình tài chính  
Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư của chủ sở hữu.

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh  
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức và chính sách quản lý  
Kế hoạch phát triển trong tương lai

## **BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đánh giá các mặt hoạt động của công ty  
Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc  
Kế hoạch và định hướng của Hội Đồng Quản Trị

## **QUẢN TRỊ CÔNG TY**

Hội Đồng Quản Trị  
Tóm tắt lý lịch thành viên HĐQT  
Ban kiểm soát.  
Hoạt động của BKS  
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích.

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017**

# I. GIỚI THIỆU CÔNG TY

# THÔNG TIN CHUNG

Tên công ty : CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH.

Tên giao dịch : DO THANH TECHNOLOGY CORPORATION.

Tên viết tắt : DTT.

Giấy CNĐKDN số: 0303310875 ( số cũ 4103002357) do sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 28 tháng 06 năm 2012.

Vốn điều lệ : 81.518.200.000 VND  
*(Tám mươi một tỷ năm trăm mười tám triệu hai trăm ngàn đồng).*

Vốn đầu tư CSH : 81.518.200.000 VND  
*(Tám mươi một tỷ năm trăm mười tám triệu hai trăm ngàn đồng)*

Địa chỉ : Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5, TP Hồ Chí Minh.

Số điện thoại : ( 08 ) 39236238 – ( 08 ) 38363807.

Số Fax : ( 08 ) 39235360

Website : <http://www.dothanhtech.com>

Logo công ty



Email : [info@dothanhtech.com.vn](mailto:info@dothanhtech.com.vn).

Mã cổ phiếu : **DTT**

# QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Thành lập Công ty Nhựa Đô Thành trên cơ sở sáp nhập Xí nghiệp Quốc doanh nhựa 2 và Xí nghiệp Quốc doanh nhựa 5.

Giấy CNĐKKD số : 103027 do Sở KHĐT TPHCM cấp ngày 13/6/1994.

Cơ quan quản lý : Sở Công nghiệp TP HCM.

Phát hành CP bổ sung vốn lưu động lần 1 : Vốn điều lệ là 14.0400.000.000 VND.

Phát hành bổ sung thêm 3.200.000 cổ phiếu, niêm yết và giao dịch trên sàn giao dịch TPHCM. Vốn điều lệ là 52.000.000.000 VND.

Tháng 7/2010 hoàn tất việc xây dựng Nhà máy Củ Chi, nghiệm thu chính thức đưa vào hoạt động , từng bước ổn định và sản xuất liên tục cho đến nay.

Tăng vốn điều lệ , phát hành thêm 2.951.820 cổ phiếu (2009) .

Thay đổi Giấy CNĐKKD lần 4 ngày 05/01/2010. Vốn điều lệ: 81.518.200.000 VND.

Ngày 28/06/2012 thay đổi Giấy CNĐKKD lần thứ năm.

1994

2004

Ngày 01/7/2004 chuyển thành Công ty CP Nhựa Đô Thành theo Quyết định số : 5777/QĐ-UBND, ngày 31/12/2003 của CT UBND TPHCM với vốn điều lệ là 12.000.000.000 VND ( Nhà nước nắm giữ 20% vốn điều lệ ).

2005

Phát hành CP bổ sung vốn. Vốn điều lệ là 20.000.000.000 VND.

Ngày 01/10/2006 Đổi tên công ty thành Công ty cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành.

Ngày 06/12/2006, Quyết định số 100/UBCK-GPNY của UBCKNN cấp giấy phép niêm yết cổ phiếu trên TT giao dịch CK TP HCM.

Ngày 15/12/2006, cổ phiếu công ty đăng ký lưu ký với mã chứng khoán là DTT.

2007

2008

Từ năm 2008 chuẩn bị mặt bằng và tiến hành đầu tư xây dựng Nhà máy SX tại Củ Chi .

Trị giá đầu tư tổng cộng là 75.144.000.000 VND.  
Diện tích Nhà máy 38.770m<sup>2</sup> với 3 block nhà xưởng có diện tích xây dựng gần 10.000m<sup>2</sup>.

2010



# NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH



## ĐỊA BÀN KINH DOANH :

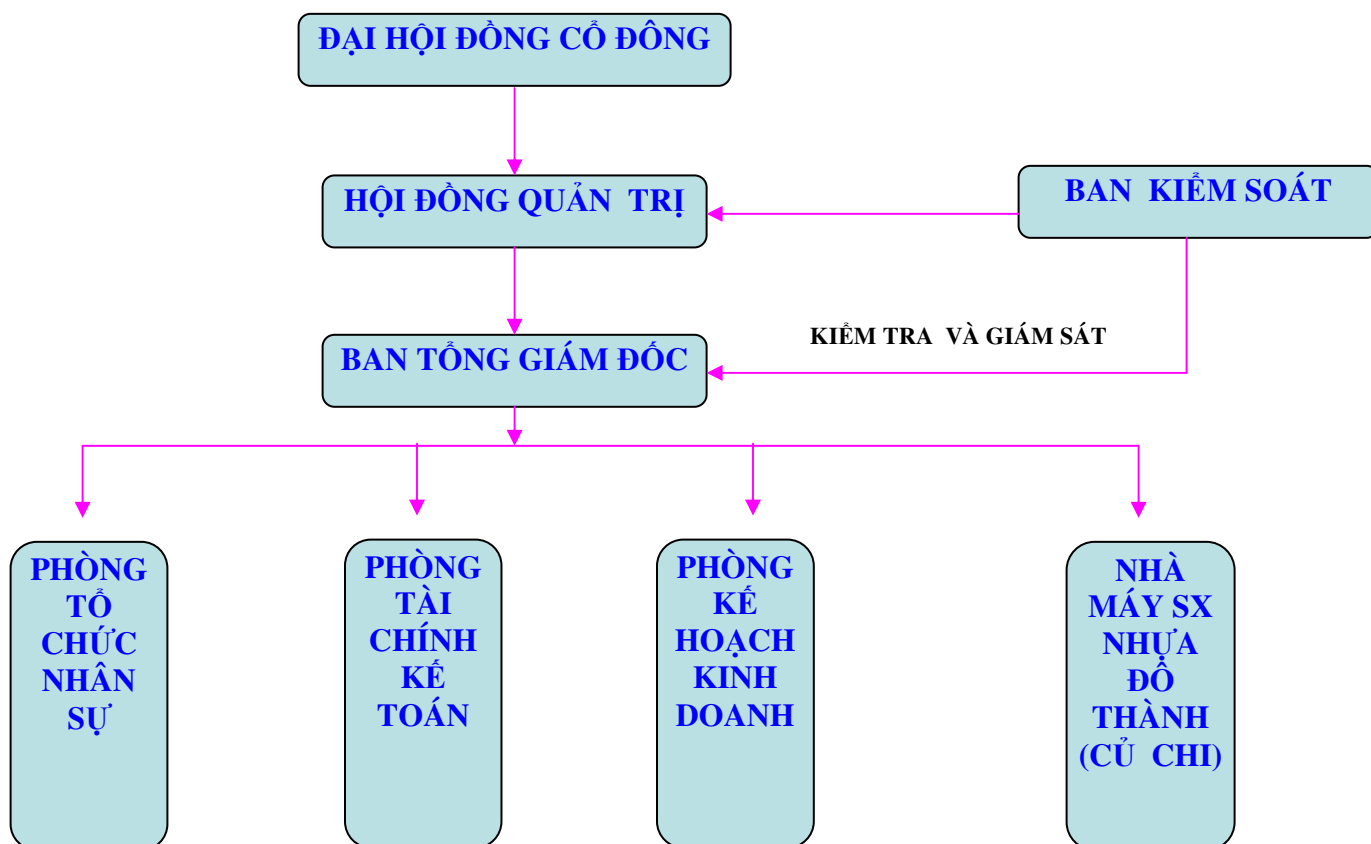
- **Thị trường trong nước:** Bao bì thực phẩm (chai PET, két nhựa, nắp nhựa ...), phụ tùng sản phẩm công nghiệp (quạt nhựa, Khay giống cây trồng, ống chỉ may mặc,...)
- **Thị trường xuất khẩu:** Phôi Pet, Chai PET, các khay pet.



# MÔ HÌNH QUẢN TRỊ- CƠ CẤU TỔ CHỨC

Mô hình quản trị của Công ty đang áp dụng mô hình quản trị theo hình thức công ty cổ phần đại chúng niêm yết. Tổ chức thực hiện theo luật doanh nghiệp và điều lệ công ty đã ban hành, bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị
- Ban kiểm soát
- Ban tổng giám đốc
- Các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ: Phòng tài chính – kế toán; phòng kế hoạch kinh doanh, phòng tổ chức nhân sự; nhà máy sản xuất (Củ Chi)



# CÔNG TY LIÊN KẾT

<b>CÔNG TY LIÊN KẾT: CÔNG TY CP NHỰA ĐẠI THÀNH LONG</b>	
<b>Địa chỉ</b>	Quốc lộ 15, Thôn Phương Độ, xã Hưng Thịnh, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương.
<b>Điện thoại</b>	(0320)377655
<b>Fax</b>	(0320)3776402
<b>Giấy CN ĐKKD</b>	0800640880, cấp ngày 18/5/2009 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.
<b>Mã số thuế</b>	0800640880
<b>Vốn điều lệ</b>	8.500.000.000
<b>Vốn do DTT góp</b>	1.500.000.000
<b>Tỷ lệ tham gia góp vốn</b>	17.65% VĐL
<b>Ngành nghề kinh doanh</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Sản xuất và mua bán các sản phẩm nhựa.</li><li>- Mua bán ô tô, xe gắn máy, phụ tùng phụ trợ của ô tô.</li><li>- Mua bán máy móc, thiết bị, vật liệu điện.</li><li>- Trồng rừng, khai thác gỗ rừng trồng, chế biến gỗ.</li></ul>
<b>Kết quả sản xuất kinh doanh 2017</b>	Doanh thu : 28.432.070.854 đồng Lợi nhuận trước thuế : 1.839.663.194 đồng



# ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU:

- Sản lượng SX và tiêu thụ  $\geq 3.300$  Tấn/ năm. Trong đó : (Nhóm sp ép : 380 Tấn; Nhóm sp nắp dập: 633 Tấn; Nhóm sp Phôi: 1.181 Tấn; Nhóm sp Thỏi:1.106 Tấn.
- Doanh thu  $\geq 135$  Tỷ đồng.
- Giá vốn hàng bán  $\leq 83$  %/DT
- Lợi nhuận sau thuế :  $\geq 8$  % Vốn điều lệ( $\approx 6.5$  tỷ)
- Tổng biên chế: 210 lao động
- Thu nhập bình quân Công nhân sx:6.5->7.4 triệu đồng/ LĐ

## CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN:

- Chiến lược công ty giai đoạn 2016-2020: Duy trì tăng trưởng sản xuất kinh doanh hàng năm 10-15%.Tập trung củng cố cơ sở hạ tầng nhà máy. Nâng cấp và đổi mới công nghệ sx, đa dạng hóa sản phẩm. Đầu tư bổ sung tăng dần năng lực và qui mô sx.Xác lập các chuẩn mực sxkd cơ bản cần thiết. Chuẩn bị các điều kiện cần và đủ cho giai đoạn tăng tốc 2017-2020.

- Tự động hóa sản xuất  $\geq 95\%$ /Σ qui trình công nghệ sx toàn nhà máy.

## CÁC MỤC TIÊU ĐỐI VỚI MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI VÀ CỘNG ĐỒNG:

- Trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo thực hiện đúng qui định về bảo vệ môi trường theo pháp luật của Nhà nước Việt Nam hiện hành.

- Thực hiện tốt công tác an sinh xã hội, đem lại lợi ích thiết thực cho công ty và cho cả cộng đồng và xã hội.



# RỦI RO

## RỦI RO KINH TẾ

- Kinh tế vĩ mô sẽ bước vào giai đoạn đối đầu, cạnh tranh trực diện với 12 nước trong và ngoài khối Asean, với thuế nhập khẩu hàng hóa  $\approx 0\%$ , với tiềm lực mạnh, công nghệ cao, nhiều kinh nghiệm chiến trường hơn Việt Nam nhiều lần, nhiều năm.

- Dự báo sẽ có nhiều công ty sxkd Việt Nam tiềm lực yếu, thiếu chuẩn bị, tầm nhìn sẽ không kịp trở tay khi hiệp định AEC khối Asean, 11 hiệp định song phương (FTA) với Mỹ, Châu Âu, Nga, khối Ả Rập, Ấn Độ bắt đầu có hiệu lực và diễn ra trong thực tế năm 2017.

- Tình hình kinh tế- chính trị thế giới ngày càng bất ổn, bất định, xung đột khó lường, nhiều yếu tố gây nguy cơ rủi ro xuất hiện có ảnh hưởng lớn trực tiếp đến nhiều lĩnh vực kinh tế từ năm 2017 trở đi.

- Chính vì vậy, công ty tập trung củng cố, nâng cấp về quy mô sản xuất, công nghệ sản xuất tự động hóa sx, đã nâng cấp nội lực, khả năng cạnh tranh, hội nhập thị trường trong tình hình mới.

- Công ty cần phải cập nhật thường xuyên và theo sát diễn biến kinh tế vĩ mô, nhằm đảm bảo nhận diện và có những biện pháp ứng phó kịp thời với các rủi ro tác động từ nền kinh tế.

## **RỦI RO PHÁP LUẬT**

- Hoạt động của công ty sẽ bị chi phối bởi các văn bản pháp luật liên quan. Trong những năm gần đây, rất nhiều văn bản pháp luật đã thay đổi nhằm đáp ứng sự hội nhập sâu rộng đang diễn ra như Luật doanh nghiệp, Luật lao động, Luật thuế, các Thông tư và văn bản hướng dẫn có liên quan.... Mỗi một sự thay đổi đều hàm chứa cơ hội và thách thức ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

- Mặc dù trong những năm qua, Việt Nam đã cố gắng xây dựng và đã hình thành nên một môi trường pháp lý được xem là khá cởi mở, nhưng hành lang pháp lý của nước ta chưa thật sự ổn định và hoàn chỉnh, do đó ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

- Cần cập nhật thường xuyên các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực hoạt động và pháp luật điều chỉnh về tổ chức hoạt động của công ty. Luôn theo dõi sự tác động của các quy định pháp luật đối với công ty để có những biện pháp thích ứng kịp thời, hạn chế những rắc rối gặp phải trong quá trình hoạt động. Tham gia các buổi tập huấn với cơ quan ban ngành và đơn vị tư vấn doanh nghiệp.

## **RỦI RO THỊ TRƯỜNG TIÊU THỤ**

- Hoạt động kinh doanh của công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của rủi ro về thị trường khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, giá nhiên liệu, nguyên liệu, sự gia tăng giá điện hàng năm và sự gia tăng lãi suất tín dụng của hệ thống ngân hàng, sự thay đổi theo chiều hướng tăng lên của chính sách tiền lương tối thiểu do nhà nước quy định.

- Sự bất ổn từ thế giới bên ngoài tác động trong năm 2017 đang dần xuất hiện thành nguy cơ bất ổn ( Mỹ rút khỏi TPP, EU, Biển đông, giá dầu thô tăng, cạnh tranh 10 nước AEC bắt đầu giai đoạn căng thẳng...) làm ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu của công ty.

- Để hạn chế rủi ro cần phải có biện pháp: Quản lý dòng tiền đủ vốn hoạt động sản xuất kinh doanh, giảm chi phí sử dụng vốn để giảm giá thành. Khai thác các nguồn vốn vay ưu đãi, vốn tín dụng trung hạn. Tìm nguồn nguyên vật liệu giá rẻ nhưng vẫn đảm bảo chất lượng sản phẩm. Đàm phán và ký kết hợp đồng nguyên tắc với các công ty cung cấp nguyên vật liệu. Tiết kiệm điện trong sản xuất.

## **RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG**

- Biến đổi khí hậu ở Việt Nam diễn biến quá nhanh, phức tạp hơn dự báo nhiều lần, gây ra xáo trộn lớn về thị trường và cơ cấu sản phẩm tiêu dung, là yêu cầu nhà sản xuất phải thay đổi chiến lược sản xuất kinh doanh, chiến lược sản phẩm để tiếp tục tồn tại và phát triển, phù hợp với tình hình mới.

- Đô Thành hướng tới hình ảnh của một công ty thân thiện với môi trường. Chúng tôi tôn trọng thực hiện và cam kết kiểm soát nghiêm ngặt quy trình sản xuất để không vi phạm các tiêu chuẩn về môi trường. Nâng cấp hệ thống xử lý nước thải. Các loại bao bì NVL được tận dụng để tái sử dụng hoặc được thu gom bán phế liệu.

- Bố trí các thùng rác và thu gom về đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi trong khu vực. Hợp đồng với công ty thu gom rác. Không sử dụng máy móc quá cũ để giảm mức ồn. Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân như : khẩu trang chống bụi, nút tai chống ồn, giày dép, trang phục làm việc.... Hàng quý đều có kiểm tra môi trường, tiếng ồn đều trong mức cho phép.

- Công ty có ban điều hành 5S thực hiện công việc giám sát các quy định, nội quy, hoạt động về vệ sinh, an toàn thực phẩm, an toàn lao động, trang phục làm việc, phòng cháy chữa cháy nơi làm việc của toàn công ty. Nhắc nhở người lao động tuân thủ các quy định trên.



## **II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2017**

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	ĐVT	NĂM 2016	NĂM 2017		TỶ LỆ %	
		THỰC HIỆN	KẾ HOẠCH	THỰC HIỆN	TH 2017/ TH2016	TH2017 /KH2017
<b>1. Sản lượng SX</b>	Tấn	<b>2,891.631</b>	<b>3,300</b>	<b>2,679.883</b>	<b>93.28</b>	<b>81.21</b>
<b>2. Sản lượng tiêu thụ</b>	Tấn	<b>2,735.828</b>	<b>3,300</b>	<b>2,591.814</b>	<b>94.74</b>	<b>78.54</b>
<b>3. Tổng doanh thu</b>	Đồng	<b>128,233,288,451</b>	<b>130,000,000,000</b>	<b>122,443,282,296</b>	<b>95.48</b>	<b>94.18</b>
<b>Trong đó:</b>						
a/ Doanh thu bán hàng	Đồng	126,045,494,101		122,351,854,863	97.07	
b/ Doanh thu TC	Đồng	257,641,545		36,893,437	14.31	
c/ Thu nhập khác	Đồng	1,930,152,805		54,533,996	0.28	
<b>4. Các khoản giảm trừ</b>	Đồng	<b>70,769,091</b>				
<b>5. Doanh thu thuần</b>	Đồng	<b>125,974,725,010</b>		<b>122,351,854,863</b>	<b>97.12</b>	
<b>6. Tổng chi phí</b>	Đồng	<b>117,597,018,705</b>		<b>117,100,785,721</b>	<b>99.57</b>	
<b>Trong đó:</b>						
a/ Giá vốn hàng bán	Đồng	104,987,544,474	112,050,000,000	104,128,035,026	99.18	<b>92.92</b>
b/ Chi phí tài chính	Đồng	1,081,919,813		1,985,317,808	183.49	
c/ Chi phí bán hàng	Đồng	4,408,828,879		4,793,390,377	108.72	
d/ Chi phí QLDN	Đồng	6,924,486,702		6,256,768,828	90.34	
e/ Chi phí khác	Đồng	194,238,837		544,120	0.28	
<b>7. Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	Đồng	<b>10,565,500,655</b>		<b>5,279,226,137</b>	<b>49.96</b>	
<b>8. CP thuế TNDN</b>	Đồng	<b>2,124,494,297</b>		<b>1,079,931,984</b>	<b>50.83</b>	
<b>9. CP thuế TNDN hoãn lại</b>	Đồng	<b>300,432,000</b>				
<b>10. Lợi nhuận sau thuế</b>	Đồng	<b>8,140,574,358</b>	<b>7,336,638,000</b>	<b>4,199,294,153</b>	<b>51.58</b>	<b>57.23</b>

# TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

## THÀNH VIÊN BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM
1.	Ông Lê Quang Hiệp	Chủ Tịch HĐQT	03/05/2011
2.	Ông Lê Công Nghiệp	Tổng Giám Đốc	01/06/2016
3.	Bà Nguyễn Hồng Nhung	Kế toán trưởng	02/01/2015

## TÓM TẮT LÝ LỊCH BAN ĐIỀU HÀNH

STT	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	SỐ CMND	NGÀY CẤP	NƠI CẤP	ĐỊA CHỈ
1.	Ông Lê Quang Hiệp	22/08/1955	020 263 371	04/03/2009	CATPHCM	177Bis Lý Chính Thắng P7Q3, HCM
2.	Ông Lê Công Nghiệp	25/12/1982	023 663 441	21/11/2014	CATPHCM	177Bis Lý Chính Thắng P7Q3, HCM
3.	Bà Nguyễn Hồng Nhung	08/02/1982	024 200 389	13/11/2003	CATPHCM	200/11 Nguyễn Hữu Tiến P.Tây Thạnh , Q. Tân Phú , TPHCM

## **QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC**

### **ÔNG LÊ QUANG HIỆP – CHỦ TỊCH HĐQT**

#### **Quá trình công tác:**

- 1981 – 1983 : Bộ đội Phòng Chính trị Bộ Tư Lệnh TP HCM.
- 1983 – 1985 : Phó phòng kỹ thuật Liên Hiệp XN Nhựa TP HCM.
- 1985 – 1991 : Giám đốc XN Quốc doanh Nhựa 4.
- 1991 – 1994 : Giám đốc XN Quốc Doanh Nhựa 5.
- 1994 – 2004 : Giám đốc Công ty Nhựa Đô Thành.
- 2004 – 5/2016 : Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- 6/2016- Hiện nay: Chủ tịch HĐQT công ty.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 8.570.000 chiếm tỷ lệ: 10,51 %.
- Số lượng cổ phần được đại diện phần vốn nhà nước: 0 chiếm tỷ lệ: 0 %.(Tính đến ngày 31/12/2017)

### **ÔNG LÊ CÔNG NGHIỆP – TỔNG GIÁM ĐỐC**

#### **Quá trình công tác :**

- 2004 - 2005 : Kỹ sư phát triển phần mềm Trung tâm CNTT- Trường ĐH kỹ thuật Sydney.
- 2005 – 2008 : Công ty CP hệ thống thông tin FPT.
- 2008 – 2011 : Giám đốc Trung tâm kinh doanh HiPT - Công ty CP công nghệ HiPT.
- 2011 – 5/2016 : UV HĐQT , Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- 6/2016- hiện nay: UV HĐQT, Tổng giám đốc công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 10.000.000 CP chiếm tỷ lệ: 12,27 % Vốn điều lệ.

### **BÀ NGUYỄN HỒNG NHUNG – KẾ TOÁN TRƯỞNG :**

#### **Quá trình công tác :**

- 2005 – 2007 : Nhân viên kế toán tại Công ty TNHH xây dựng Phương Anh Ngọc
- 2007 - 2012: Nhân viên kế toán tại Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành
- 2007 - 2013: Phó phòng kế toán Công ty cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành
- 9/2013 - 12/2014: Quyền Kế Toán Trưởng Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành.
- 1/2015- hiện nay: Kế toán trưởng Công ty CP Kỹ Nghệ Đô Thành.
- Số lượng cổ phần sở hữu : không có , chiếm tỷ lệ : 0,00% Vốn điều lệ.

## TÌNH HÌNH NHÂN SỰ VÀ CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

STT	TÍNH CHẤT PHÂN LOẠI	SỐ LƯỢNG (NGƯỜI)	TỶ TRỌNG (%)
<b>I</b>	<b>Tổng số</b>	<b>217</b>	<b>100</b>
	<b>Trong đó:</b>		
1	Nam	<b>152</b>	<b>70.05</b>
2	Nữ	<b>65</b>	<b>29.95</b>
<b>II</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>217</b>	100
1	Trên Đại học	1	0.46
2	Đại học và Cao đẳng	44	20.28
3	Trung cấp và THPT	73	33.64
4	Tốt nghiệp THCS	99	45.62
<b>III</b>	<b>Hợp đồng lao động</b>	<b>217</b>	<b>100</b>
1	HĐ không xác định thời hạn	77	35.48
2	HĐ có thời hạn từ 1 đến 3 năm	117	53.92
3	HĐ có thời hạn dưới 12 tháng	23	10.60



# CÁC CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Thực hiện các chính sách đối với người lao động theo Luật lao động, Luật BHXH như sau:

## **Chế độ làm việc, phụ cấp**

- Công ty thực hiện chế độ làm việc 3 ca, 8 giờ/ca và 48 giờ/ tuần. Tùy theo yêu cầu SXKD các xưởng SX sẽ huy động làm thêm ngoài giờ nhưng không quá 3 giờ/ngày/người và 200 giờ /năm /người.
- Nhân viên được nghỉ 1 ngày/ tuần. Người lao động làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12 ngày/ năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.
- Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của công ty được hưởng chế độ nghỉ bù theo đúng quy định của Luật lao động: Cán bộ nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo nếu ngày nghỉ lễ trùng vào ngày nghỉ khác.
- Đặc biệt, công ty luôn đảm bảo An toàn lao động , áp dụng công tác phòng cháy một cách nghiêm ngặt .

## **Chế độ nghỉ dưỡng**

- Hàng năm, tùy theo tình hình và kết quả hoạt động của công ty, mọi cán bộ công nhân viên làm việc lâu dài và ổn định với công ty được tổ chức một chuyến tham quan và nghỉ dưỡng.

## **Ăn ca**

- Công ty thực hiện suất ăn giữa ca tại căn tin nhà máy theo tiêu chuẩn 20.000 đồng/ suất ăn/ người.

## **Chế độ phụ cấp**

- Đối với người lao động trực tiếp sản xuất, công ty hỗ trợ thêm tiền phụ cấp độc hại, phụ cấp ca 3, phụ cấp chuyên cần, phụ cấp thâm niên cho số lao động gắn bó với đơn vị nhiều năm
- Công ty thực hiện chế độ cung cấp nhà lưu trú miễn phí cho lao động ở xa và được hỗ trợ thêm 10.000 đồng/ người tiền cơm chiều. Chính sự quan tâm đến đời sống vật chất, tinh thần của Ban lãnh đạo công ty đã tạo tâm lý phấn khởi, an tâm làm việc. Ổn định được lực lượng sản xuất trong công ty.

## **Chính sách phúc lợi và một số ưu đãi khác**

- Chủ trương về chính sách phúc lợi của công ty luôn rõ ràng và minh bạch. Việc chi trả lương thực hiện theo quy định của quy chế trả lương, thưởng trong nội bộ công ty. Công ty xây dựng phù hợp với thực trạng doanh nghiệp, tính cạnh tranh, mức sống chung của khu vực và phù hợp với quy định của pháp luật.
- Các quy định của Luật lao động, Luật bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế đều được Công ty áp dụng và thực hiện tốt cho người lao động như nghỉ phép, nghỉ ốm, lễ tết, chế độ thai sản, chế độ công tác phí, khám sức khỏe định kỳ , bệnh nghề nghiệp hàng năm, đồng phục bảo hộ lao động thăm nom khi gia đình có hữu sự...
- Công ty luôn luôn tạo sự gắn bó giữa người sử dụng lao động và người lao động bằng nhiều biện pháp như khen thưởng định kỳ và đột xuất, giúp đỡ khi người lao động gặp khó khăn cá nhân, các hoạt động tình nghĩa và phúc lợi, các phong trào sinh hoạt thể dục thể thao văn nghệ...

# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

TỔNG GIÁ TRỊ ĐẦU TƯ 2017 : **8.706.345.257 VND**

### TRONG ĐÓ:

- MÁY MÓC THIẾT BỊ, KHUÔN MẪU : 5.831.587.658 VND

- XÂY DỰNG CƠ BẢN TSCĐ : 2.769.303.054 VND

- PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN : 105.454.545 VND

# TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

**ĐVT: VND**

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH				
STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2016	NĂM 2017	% TĂNG/GIẢM
1	Tổng giá trị tài sản:	157,993,809,752	158,356,494,470	100.23 %
	<i>Trong đó:</i>			
	- Tài sản ngắn hạn:	70,169,198,041	70,966,860,041	101.14 %
	- Tài sản dài hạn:	87,824,611,711	87,389,634,429	99.50 %
2	Doanh thu thuần	125,974,725,010	122,351,854,863	97.12 %
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20,987,180,536	18,223,819,837	86.83 %
4	Lợi nhuận khác	1,735,913,968	53,989,876	3.11 %
5	Lợi nhuận trước thuế	10,565,500,655	5,279,226,137	49.97 %
6	Lợi nhuận sau thuế	8,140,574,358	4,199,294,153	51.58 %
7	Lợi nhuận trả cổ tức	999	515	51.55 %

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2014	2015	2016	2017
<b>1.</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>					
-	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1.82	2.11	2.06	1.87
-	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	1.26	1.54	1.25	1.17
<b>2.</b>	<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>					
-	Hệ số nợ / Tổng tài sản	Lần	0.23	0.22	0.23	0.24
-	Hệ số nợ / Vốn chủ sở hữu	Lần	0.29	0.27	0.29	0.32
<b>3.</b>	<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>					
-	Vòng quay hàng tồn kho	Lần	6.25	5.88	4.74	3.87
-	Doanh thu thuần / Tổng tài sản bình quân	Lần	0.76	0.83	0.82	0.77
<b>4.</b>	<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>					
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	3.03 %	4.57 %	6.46 %	3.43 %
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế /vốn chủ sở hữu bình quân	%	2.88 %	4.84 %	6.79 %	3.47 %
-	Hệ số lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản bình quân	%	2.30 %	3.78 %	5.29 %	2.65 %
-	Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KD/Doanh thu thuần	%	9.94 %	16.40 %	16.66 %	14.89 %

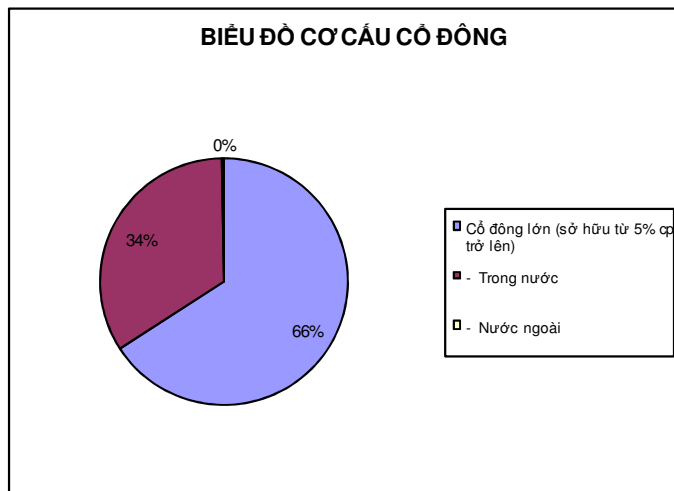
Nguồn : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm

## Phân tích cơ cấu tài sản và nguồn vốn

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	2014	2015	2016	2017
<b>1.</b>	<b>Tổng tài sản</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>147.90</b>	<b>149.94</b>	<b>157.99</b>	<b>158.36</b>
-	Tài sản ngắn hạn	Tỷ đồng	58.97	62.74	70.17	70.97
-	Tài sản dài hạn	Tỷ đồng	88.92	87.20	87.82	87.39
<b>2.</b>	<b>Nợ phải trả</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>33.32</b>	<b>32.26</b>	<b>35.83</b>	<b>38.51</b>
-	Nợ ngắn hạn	Tỷ đồng	30.12	29.72	34.02	38.00
-	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	3.20	2.54	1.81	0.51
<b>3.</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>114.57</b>	<b>117.69</b>	<b>122.17</b>	<b>119.85</b>

Nguồn : Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm

# CƠ CẤU CỔ ĐÔNG & THAY ĐỔI TRONG VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Cổ phần phổ thông	8.151.820 CP
Cổ phần ưu đãi	0 CP
Số lượng CP đang lưu hành	8.151.820 CP
Cổ phiếu quỹ	0 CP
Mệnh giá	10.000 VND

STT	Loại cổ đông	SL Cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông (người)	
					Tổ chức	Cá nhân
	<b>Tổng số lượng cổ phiếu</b>	<b>8,151,820</b>	<b>100%</b>	<b>834</b>	<b>45</b>	<b>789</b>
<b>1</b>	<b>Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)</b>	<b>5,369,400</b>	<b>65.87</b>	<b>5</b>		<b>5</b>
<b>2</b>	<b>Cổ đông khác</b>	<b>2,782,420</b>	<b>34.13</b>	<b>829</b>	<b>45</b>	<b>784</b>
	- Trong nước	2,760,079	33.86	797	41	756
	- Nước ngoài	22,341	0.27	32	4	28
<b>3</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-	-	-

<b>DANH SÁCH CỔ ĐÔNG LỚN</b> (Số liệu theo danh sách cổ đông chốt tháng 04/2017 )			
STT	Tên cổ đông lớn	SL Cổ phiếu đang nắm giữ	Tỷ lệ %
1	Ông Phạm Đỗ Huy Cường	12,698,700,000	15.58
2	Bà Phạm Thị Hằng	12,425,300,000	15.24
3	Ông Lê Công Nghiệp	10,000,000,000	12.27
4	Bà Ngô Ngọc Trân	10,000,000,000	12.27
5	Ông Lê Quang Hiệp	8,570,000,000	10.51

# BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CÔNG TY

Để giảm thiểu các tác động đến môi trường tự nhiên, môi trường kinh tế- xã hội. Công ty Cp Kỹ Nghệ Đô Thành cam kết thực hiện đầy đủ tất cả các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình sản xuất. Cụ thể như sau:

- Thực hiện tất cả các biện pháp giảm thiểu tác động xấu và đảm bảo tốt môi trường bên trong cũng như bên ngoài nhà máy.
- Sử dụng nguồn nước đúng qui trình và tái tạo sử dụng lại nguồn nước sau khi được lọc.
- Cam kết thực hiện các biện pháp, cũng như vận hành các hệ thống xử lý nhằm khống chế đến mức thấp nhất các tác động của tiếng ồn , bụi, khí thải , nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường Việt Nam.



## **III. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

# ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2017

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD

- Môi trường kinh tế xã hội trong và ngoài nước có nhiều biến động lớn, nhiều công ty trong ngành nhựa ở tình trạng khó tồn tại, cạnh tranh không lành mạnh kéo mặt bằng giá xuống thấp. Ngoài ra sức mua tiêu thụ hàng hóa chậm, hàng không rõ nguồn gốc, xuất xứ có giá rẻ... gây khó khăn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả của Công ty.
- Trong năm 2017 công ty tiếp tục củng cố toàn diện về mọi mặt hoạt động để ứng phó cạnh tranh trên thị trường và chuẩn bị điều kiện để khai thác triệt để năng lực sản xuất, tăng tốc sản xuất kinh doanh cho giai đoạn 2018-2020 theo định hướng chiến lược công ty đã đề ra cho giai đoạn 2016-2020.
- Tuy đã có chuẩn bị và nỗ lực đổi mới, hội nhập nhưng năng lực quản trị và quản lý công ty còn nhiều hạn chế, chưa có bước đột phá cần thiết, kịp thời ứng phó với tình hình năm 2017.
- Nhìn chung năm 2017 đã nỗ lực duy trì ổn định sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường, khai thác thêm khách hàng mới, lượng hàng xuất khẩu tăng dần đều, ổn định.
- Đã củng cố cơ sở vật chất, hạ tầng kỹ thuật, năng lực thiết bị sản xuất tạo tiền đề để tăng sản lượng, nâng suất hiệu quả cho kế hoạch sản xuất kinh doanh từ năm 2018 trở đi.
- Mặt yếu kém hạn chế cơ bản là giảm về sản lượng doanh thu và lợi nhuận so với năm 2016, chưa đạt được các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh.

## MỘT SỐ CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH CHỦ YẾU

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH 2017	T H 2017	% TH/KH	% TH/2016
<b>1.</b>	<b><i>Sản lượng sản xuất và tiêu thụ</i></b>					
-	Sản lượng sản xuất	Tấn	3,300.00	2,680.00	81.20%	98.50%
-	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3,200.00	2,591.00	96.70%	94.70%
<b>2.</b>	<b><i>Giá vốn hàng bán -Doanh thu và lợi nhuận</i></b>					
-	Giá vốn hàng bán/Doanh thu	%	<83%	85.24	103.60%	103.00%
-	Tổng doanh thu	tỷ đồng	135.00	122.35	90.60%	97.00%
	Trong đó : Doanh thu xuất khẩu	USD	600,000.00	570,038.00	95.00%	105.00%
-	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	8.00	4.20	52.50%	50.00%
<b>3.</b>	<b><i>Lao động -Tiền lương &amp; thu nhập</i></b>					
-	Tổng số lao động bình quân	Người	210.00	214.00	102.00%	102.00%
-	Tiền lương bình quân	Trđ	5.80	6.60	117.00%	117.00%
-	Thu nhập bình quân	Trđ	6.50	7.40	113.80%	116.00%

# NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC & CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ

## CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ

### 1. TỔ CHỨC QUẢN LÝ:

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc quản lý, tinh gọn bộ máy và điều hành sản xuất kinh doanh :

- Phòng Kế hoạch vật tư và P. Kinh doanh sáp nhập thành Phòng kế hoạch kinh doanh.
- Hai xưởng sản xuất : thổi phôi và thổi chai thành xưởng sản xuất Pet.
- Chuyên quản lý kho vật tư –thành phẩm từ P. Kế hoạch vật tư về phòng kế toán quản lý.

### 2. NHÂN SỰ:

- Để tăng năng suất sản xuất của máy móc thiết bị song song với việc khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ P. Kế hoạch kinh doanh đã tuyển mới thêm 3 nhân viên .
- Đồng thời công ty cũng đã thay đổi một số vị trí cán bộ chủ chốt ở các bộ phận để phù hợp với tình hình mới.

## CÔNG TÁC QUẢN LÝ SX VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Nhà máy đã áp dụng sản xuất theo công nghệ, chuyên môn hóa sản xuất. Đến nay đã cải tiến tự động hóa >90% qui trình sản xuất , tạo thành qui trình sản xuất mới : tự động sản xuất - Công nhân kiểm soát, kiểm phẩm và đóng gói bao bì hoàn tất sản phẩm, năng suất lao động phụ thuộc vào năng suất máy. Tư duy tự động hóa, cải tiến công nghệ để tăng năng suất, giảm chi phí, đã từng bước được củng cố,hoàn thành trong công tác quản lý và điều hành sản xuất trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của công ty.

Trong năm 2017 đã có nhiều cải tiến trong quy trình quản lý – sản xuất đã tiết kiệm giảm chi phí sản xuất, phát huy tính sáng tạo và nâng cao trình độ, năng lực làm chủ công nghệ sản xuất của lực lượng kỹ thuật nhà máy, đáp ứng và thỏa mãn yêu cầu đa dạng của khách hàng trong năm, tạo tiền đề kích thích tinh thần sáng tạo, cải tiến kỹ thuật, công nghệ trong tập thể cán bộ công nhân viên.

Bên cạnh công tác quản lý sản xuất, nhà máy còn kiểm soát chất lượng sản phẩm được thực hiện bởi Phòng Quản lý chất lượng (Phòng được thành lập năm 2015) với nhiệm vụ kiểm tra chất lượng đầu vào- đầu ra sản phẩm: nhanh chóng và kịp thời kết hợp với đội ngũ kỹ thuật kiểm soát điều chỉnh máy móc thiết bị để tạo ra những sản phẩm chất lượng, hạn chế và giảm thiểu tối đa số lượng phế phẩm.

Đồng thời nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ QA, KCS công ty thường xuyên tổ chức công tác huấn luyện, tập huấn làm việc với tác phong công nghiệp, thực hành chuyên nghiệp, thành thạo qui trình, phương pháp QA, KCS, tạo ra chuẩn mực trong quản lý CLSP ổn định, đúng tiêu chuẩn sản phẩm, yêu cầu của khách hàng, thống nhất cao trong nội bộ trong quá trình sản xuất.

## **CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG**

Thị trường SP xuất khẩu: Đã duy trì và phát triển tăng 105% sản phẩm xuất khẩu USA so với 2016( giá trị đạt 570.038 USD) và xu hướng đang tiếp tục tăng thêm sản lượng đặt hàng trong năm tới.

Thị trường SP trong nước: Khai thác và phát triển thêm nhiều khách hàng mới, tiếp tục duy trì được hơn 80% khách hàng cũ. Phát triển thêm các sản phẩm mới phôi- chai, hũ, nắp nút PET ... phục vụ trong nước và xuất khẩu.

Thị trường SP khuôn mẫu: Sản xuất nhiều bộ khuôn mới các loại theo đơn hàng, doanh thu đạt gần 1,4 tỷ đồng. Trong đó đã sản xuất thành công chủng loại khuôn có yêu cầu kỹ thuật phức tạp, có giá trị cao, đang tiếp tục khai thác phát triển sản xuất.

Trong năm 2017, tiếp tục sản xuất đa dạng hóa sản phẩm: Hiện sản xuất mở rộng thêm nhiều sản phẩm nắp; Sản phẩm ép đã khai thác thêm được một số sản phẩm mới; Tăng

cường sản xuất các loại phôi có quy cách khác nhau vừa phục vụ thổi chai đồng thời xuất bán cho các khách hàng.

Thị trường ngành nhựa đang bị cạnh tranh quyết liệt, căng thẳng, đội ngũ kinh doanh công ty đã có nhiều nỗ lực, quyết tâm mới đạt được kết quả kinh doanh như trên.

## **CÔNG TÁC ĐẦU TƯ THIẾT BỊ SẢN XUẤT**

Thực hiện chủ trương tiếp tục phát triển tăng qui mô và năng lực sản xuất đủ điều kiện đáp ứng nhu cầu khách hàng năm 2017, công ty đã thực hiện đầu tư đổi mới, bổ sung thiết bị sản xuất như sau:

- ❖ Xưởng phôi: 1 máy ép mới để sản xuất khay pet xuất khẩu.
- ❖ Các thiết bị phụ trợ sản xuất: chiller làm lạnh nước, phiếu sấy nhựa, máy trộn nhựa.
- ❖ Xưởng khuôn: 2 máy EMD, máy hàn Argon.
- ❖ Đã đầu tư thêm 1 trạm điện 630KVA nâng công suất điện nguồn nhà máy từ 1.900 KVA lên 2.530 KVA, đủ cung cấp cho công suất sản xuất 5.000 tấn sản phẩm/năm..
- ❖ Cải tạo nâng cấp hệ thống nước sản xuất từ công suất 200m<sup>3</sup>/giờ lên 250m<sup>3</sup>/giờ, bù thiếu hụt nước sản xuất trước đây, đồng thời khoan thêm một giếng hồ chứa mới công suất 10 m<sup>3</sup>/giờ.
- ❖ Đầu tư thêm một máy nén khí cao áp 40 bar, nâng công suất khí nén từ 15m<sup>3</sup>/giờ lên 30m<sup>3</sup>/giờ, đã bù đủ nguồn khí nén cấp cho sản xuất bị thiếu trước đây.
- ❖ Xây mới và lắp hệ thống báo cháy tự động kho thành phẩm, xây dựng mở rộng khu xử lý PL pet. Mở rộng nhà động lực-khí nén.

Kết quả đầu tư thay thế và bổ sung thiết bị đã nâng công suất thiết kế của nhà máy từ 4.000 tấn/năm lên 5.000 tấn/năm, đáp ứng kịp thời nhu cầu tăng sản lượng và đa dạng hóa sản phẩm, khắc phục được tình trạng thiếu hụt thiết bị sản xuất trong thời gian trước đây, chuẩn bị các điều kiện cần và đủ để tự động hóa toàn bộ qui trình sản xuất ở các xưởng sản xuất.

# KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN

## ĐÁNH GIÁ THUẬN LỢI-KHÓ KHĂN



### ĐIỂM MẠNH

- Có thị trường tiêu thụ đã và đang phát triển khá vững chắc, đảm bảo kế hoạch sx đầu vào ổn định.
- Có nội lực sản xuất ổn định, đa dạng và đủ năng lực cung cấp, cạnh tranh hội nhập. Có tổ chức biên chế năng động, linh hoạt, năng suất lao động tăng trưởng ổn định. Tiền lương và thu nhập CNV đã được cải thiện, tạo điều kiện CNV an tâm làm việc

### ĐIỂM YẾU

- Tỷ lệ khách hàng chủ lực còn ít, chưa cân đối trong hệ thống khách hàng.
- Chưa có sản phẩm đặc thù riêng của công ty, giá trị gia tăng trên sản phẩm đang sx còn thấp.
- Năng xuất sx còn thấp
- Đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao, kế thừa còn mỏng.

### CƠ HỘI

- Có hệ thống khách hàng thân thiết, tiềm năng và đang phát triển.
- Có khách hàng, đơn hàng xuất khẩu sản phẩm đặc thù và đang tiếp tục tăng trưởng về chủng loại và sản lượng đặt hàng.
- Cơ sở vật chất đủ điều kiện phát triển sx, liên doanh liên kết với các đối tác trong và ngoài nước.

### THÁCH THỨC

- Tình hình kinh tế- chính trị thế giới ngày càng bất ổn, xung đột, nhiều yếu tố gây nguy cơ có thể xuất hiện và ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều lĩnh vực kinh tế Việt Nam(TPP, EU- Brexit, TQ- Biển Đông-Asean), Các hiệp định FTA bắt đầu cạnh tranh mạnh.
- Ngành nhựa Việt Nam còn non yếu so với các nước trong khối Asean.
- Tăng thuế phí, lương tối thiểu hàng năm làm mất lợi thế cạnh tranh của Doanh nghiệp.

# CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2018

Qua kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh năm 2017, về tổng quan cho thấy Công ty đang chuyển động đúng hướng, quyết tâm cao, nỗ lực lớn, đã thực hiện đạt các mục tiêu trước mắt trong năm. Công ty đã liên tục tiến trình tự cải tiến, tự đổi mới, thích ứng kịp thời để cạnh tranh, tồn tại và phát triển. Công tác củng cố nâng cấp nội lực, chuẩn bị sẵn sàng cho hội nhập cạnh tranh được thực hiện bài bản, đúng tiến độ, đảm bảo cho hành trình SXKD những năm tiếp theo. Các giải pháp cụ thể tiếp tục được thực hiện trong năm 2018 như sau:

## **1. Giải pháp về tổ chức bộ máy- lao động tiền lương:**

- + Tiếp tục củng cố , đào tạo, nâng cấp số lượng và chất lượng nhân viên của phòng kế hoạch-kinh doanh đủ mạnh, năng động, chuyên nghiệp để phát triển , ứng phó thị trường , cung cấp đủ khách hàng đầu vào, ổn định sản xuất công ty .
- + Tổ chức lại hoạt động marketing, khai thác- mở rộng và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm nhựa trong nước và xuất khẩu, thị trường sản phẩm khuôn mẫu nhựa, tạo thị phần đủ lớn để đảm bảo kế hoạch SXKD năm 2018.
- + Tổ chức hợp nhất bộ máy điều hành công ty- nhà máy thành 1 hệ thống tinh gọn- trực tuyến, đủ sức năng động , linh hoạt ứng phó với thay đổi biến động thị trường.
- + Sắp xếp biên chế lao động toàn công ty theo tiêu chí , qui trình sản xuất và công việc. Tiếp tục thực hiện việc rà soát sàng lọc, điều chuyển, tuyển chọn lao động theo tiêu chí và vị trí công việc, đáp ứng chất lượng và năng suất lao động cần có.
- + Đặc biệt là đào tạo huấn luyện truyền kinh nghiệm thực tế cho nhân sự có năng lực quản lý, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cao, để hình thành lực lượng kế thừa đủ kinh nghiệm để xử lý công việc ,đủ tầm để ứng phó với biến động của thị trường.
- + Hoàn thiện cơ chế trả lương theo sản lượng sản xuất và sản lượng tiêu thụ toàn công ty , gắn quyền lợi với kết quả lao động đối với từng cá nhân người lao động. Nâng dần thu nhập tiền lương đạt mức trung bình khá so với các công ty trong ngành nhựa.

## **2. Giải pháp về tổ chức sản xuất- chất lượng sản phẩm:**



- + Sắp xếp lại thiết bị sản xuất của các xưởng theo chuẩn 5S: sản xuất sạch xanh, an toàn vệ sinh thực phẩm, đủ tiêu chuẩn sản xuất hàng xuất khẩu.
- + Sắp xếp lại kho bãi theo quản lý vật tư- sản phẩm hợp lý, khoa học, đáp ứng yêu cầu giao nhận, xuất nhập kho đang tăng về qui mô, số lượng.
- + Chuẩn hóa các qui trình sản xuất, công nghệ sản xuất, qui trình QA, KCS, 5S nâng cấp và duy trì chất lượng sản phẩm đạt chuẩn tin cậy.
- + Tập huấn, đào tạo lại kỹ năng, nghiệp vụ chuyên môn đối với các bộ phận làm việc chuyên ngành, chuyên môn.

### **3. Giải pháp về kỹ thuật- công nghệ:**

- + Tiếp tục triển khai R & D, thực hiện chương trình tự động hóa công nghệ kỹ thuật, nâng tỉ lệ tự động hóa các quy trình sản xuất từ 90% lên 95%, đưa năng suất lao động bình quân tăng 10% so với năm 2017.
- + Xác định chương trình tự động hóa toàn bộ qui trình sản xuất là trọng tâm công tác kỹ thuật nhà máy, tiếp tục thực hiện đổi mới công nghệ thiết bị và cải tiến công nghệ, theo định hướng nâng cao năng suất, giảm chi phí, tiết kiệm năng lượng, giảm lao động phổ thông, nâng tỉ lệ tự động hóa đạt  $\geq 95\%$ / Qui trình sản xuất.
- + Nghiên cứu thiết kế chế tạo thiết bị để giảm tối đa phế phẩm trong sản xuất.
- + Tiếp tục nghiên cứu và triển khai dự án sản xuất các sản phẩm đặc thù của công ty.
- + Thiết lập quy trình, lưu đồ bảo trì, sửa chữa, cải tiến máy móc thiết bị đạt tiêu chuẩn qui định, đáp ứng nhanh chóng, kịp thời yêu cầu sản xuất- cung cấp sản phẩm.
- + Hoàn chỉnh nhà lưới đảm bảo chống bụi, côn trùng. Đảm bảo an toàn vệ sinh sản phẩm sản xuất ra.
- + Giám sát, bảo trì sửa chữa thường xuyên hoạt động của hệ điện, nước, khí nén, chiếu sáng của các xưởng và toàn nhà máy. Thiết kế gia công lắp đặt, bảo trì các kệ chứa sản phẩm.
- + Tiếp tục duy trì và thực hiện thành nề nếp các nguyên tắc chuẩn mực trong quản lý sản xuất và kinh doanh theo chuẩn khu vực, hạn chế tối đa các rủi ro, bất cập trong cạnh tranh thị trường hội nhập AEC.

## **IV. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

# ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN SXKD

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 được đặt ra ở mức khá cao so với nội lực của công ty, nhằm mục tiêu kiểm chứng về khả năng phấn đấu, nội lực bứt phá, vượt khó, vượt qua ngưỡng thánh thức trong cạnh tranh thị trường của công ty, để đạt mục tiêu SXKD trong năm đã đề ra.

Các kết quả đạt được và các tồn tại, yếu kém chưa làm được trong năm 2017 là bài học trải nghiệm quý báu và cần thiết để tôi luyện kỹ năng, kinh nghiệm, làm sâu sắc những định hướng, suy nghĩ cách làm việc của HĐQT, ban điều hành, cán bộ chủ chốt công ty trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh hiện nay.

Về sản lượng và doanh thu còn chưa đạt đúng kế hoạch đề ra Các chỉ tiêu cơ bản, quan trọng về Lợi nhuận sau thuế; Tiền lương – thu nhập; Năng suất lao động; Giá vốn hàng bán đang dần thực hiện đúng theo mục tiêu định hướng của công ty.

Chỉ tiêu tiền lương và thu nhập bình quân của công nhân trực tiếp sản xuất đã được nâng cao, khoảng cách tiền lương – thu nhập b/q giữa công nhân sản xuất và toàn công ty đã được rút ngắn ( $\approx 5\%$ ) theo lộ trình cam kết của công ty đối với tập thể CNV.

## CÁC NGUYÊN NHÂN CHỦ YẾU

Năm 2017, 2 sản phẩm chủ lực là sản phẩm Nắp và sản phẩm Phôi Pet tiếp tục cạnh tranh quyết liệt với các công ty khác cùng ngành. Sản phẩm phôi pet của một số công ty khác dùng nguồn nguyên liệu nhựa tái chế, nhựa phế liệu nên giá thành rẻ, chất lượng kém... kéo giảm giá bán bình quân của mặt hàng này làm ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ hàng chất lượng của công ty.

Thị trường tiêu thụ phía Bắc là thị trường tiêu thụ số lượng lớn về Sp Nắp: do thời tiết mưa bão cuối năm không thuận lợi, vận chuyển khó khăn, gây sụt giảm sản lượng Nắp. Đồng thời xuất hiện thêm nhiều công ty phía Bắc đầu tư mới máy móc thiết bị và chi

phí vận chuyển thấp ( Do cự ly gần) cũng ảnh hưởng không nhỏ đến sức mua sản phẩm nấp ở thị trường miền Bắc.

Quá trình thực hiện KH SXKD năm 2017 đang trong lộ trình chuyển hướng chiến lược về công nghệ sản xuất từ qui trình sản xuất bán tự động – thủ công ( năng suất sản lượng phụ thuộc nhiều vào lao động phổ thông, đứng máy) chuyển sang qui trình sản xuất mới với thiết bị công nghệ tự động hóa làm ra sản phẩm là chính, lao động có kỹ năng làm kiểm soát, kiểm phẩm, bao bì, hoàn tất SP, năng suất sản lượng sx phụ thuộc chủ yếu và o công nghệ thiết bị sản xuất.

# ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM

## 1. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ, QUẢN LÝ CÔNG TY

Công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động của Ban điều hành công ty luôn thường xuyên, liên tục. HĐQT tập trung giám sát việc tuân thủ chấp hành luật doanh nghiệp, điều lệ công ty, quy chế quản trị công ty đối với các hoạt động điều hành của TGD.

- Giám sát việc thực hiện các chủ trương và nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên đã đề ra trong kỳ đại hội . HĐQT đã thành lập ban kiểm soát nội bộ trực thuộc HĐQT để tăng cường công tác giám sát của ban điều hành về việc thực hiện kế hoạch SXKD năm 2017, tình hình tiêu thụ hàng hóa, sử dụng vốn, sắp xếp bố trí nhân sự công ty...

- HĐQT cũng đã ban hành kế hoạch kiểm soát chi phí SXKD năm 2017 ( kiểm soát về chi phí giá thành, giá vốn, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí sản xuất, chi phí tiền lương ... ).

Các mặt hoạt động của công ty duy trì và phát triển và ngày càng có nhiều chuyển biến tích cực, có hiệu quả hơn

## 2. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG

Tiếp tục duy trì > 80% khách hàng cũ, phát triển thêm các khách hàng mới – sản phẩm chai- chai, hũ, nắp nút PET mới phục vụ trong nước và xuất khẩu.

Đẩy mạnh phát triển hàng xuất khẩu và đang tăng dần về sản lượng, chủng loại. Tỷ lệ hàng xuất khẩu chiếm >10% tổng doanh thu 2017.

## 3. CÔNG TÁC QUẢN LÝ SẢN XUẤT VÀ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Trong năm 2017 đang trên lộ trình cải tiến tự động hóa >90% qui trình sản xuất, đến nay trình độ, khả năng làm chủ công nghệ sản xuất có nhiều tiến bộ. Tính chuyên nghiệp chuyên môn trong công tác quản lý ở các xưởng sản xuất đã trở thành quản lý chính. Là điều kiện cần và quan trọng để tiếp cận quản lý công nghệ hiện đại trong tương lai.

Đội ngũ QA, QC, cấp liệu, xay bằm, trực tiếp kiểm soát quá trình đầu vào- đầu ra sản phẩm các xưởng sản xuất, tập trung xây dựng thống nhất tiêu chuẩn- chất lượng sản phẩm, xây dựng các qui trình kiểm tra CLSP, đã kéo giảm hơn 50% tỉ lệ phế liệu, phế phẩm, là bước tiến bộ lớn của nhà máy sản xuất về quản lý CLSP.

#### **4. CÔNG TÁC TỔ CHỨC NHÂN SỰ**

Công tác tuyển dụng nhân sự đã có nhiều tiến bộ, kịp thời cung cấp đủ nhân sự đáp ứng yêu cầu công việc thay thế. Các hồ sơ, thủ tục về người lao động được thực hiện chặt chẽ, đúng qui định.

Cán bộ quản lý sản xuất: BGD nhà máy, GD các xưởng, Phòng, ban có trình độ từ trung cấp kỹ thuật trở lên, trưởng thành từ thực tế sản xuất, có đủ kinh nghiệm kỹ năng xử lý kỹ thuật công nghệ sản xuất, tư tưởng ổn định, an tâm làm việc, gắn bó với công ty.

# KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

## 1.KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2018:

### ❖ Thuận lợi:

- Thị trường, sản lượng và doanh thu xuất khẩu có khả năng tăng cao.
- Các chi phí sản xuất trực tiếp có khả năng giảm thêm do công tác cải tiến tự động hóa sản xuất, tiết kiệm chi phí phế phẩm, lao động ...

### ❖ Khó khăn:

- Các khó khăn của năm 2017 cộng thêm khó khăn mới năm 2018: giá nguyên vật liệu tăng, tiền lương, chi phí điện, nước, vận chuyển, ...tiếp tục tăng dẫn đến giá vốn hàng bán tăng gây nhiều khó khăn áp lực cho công ty trong việc cạnh tranh, tiêu thụ sản phẩm.
- Hàng không rõ nguồn gốc kém chất lượng giá rẻ, đối thủ cạnh tranh không lành mạnh... Công ty phải có các chính sách linh hoạt, phù hợp để giữ vững vị thế cạnh tranh trên thị trường.

## CÁC CHỈ TIÊU SXKD CHỦ YẾU NĂM 2018

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	TH 2017	KH 2018	%KH2018/TH2017
1.	<b>Sản lượng sản xuất và tiêu thụ</b>				
-	Sản lượng sản xuất	Tấn	2,680.00	3,000.00	111.94%
-	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	2,591.00	3,000.00	115.79%
2.	<b>Giá vốn hàng bán -Doanh thu và lợi nhuận</b>				
-	Giá vốn hàng bán/Doanh thu	%	85.24	107.90%	126.58%
-	Tổng doanh thu	tỷ đồng	122.35	130.00	106.25%
	Trong đó : <b>Doanh thu xuất khẩu</b>	USD	570,038.00	1,000,000.00	175.43%
-	Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	4.20	6.50	154.76%
3.	<b>Lao động -Tiền lương &amp; thu nhập</b>				
-	Năng suất lao động	Trđ/LĐ	563.00	650.00	115.45%
-	Tiền lương bình quân	Trđ	6.60	6.50	98.48%
-	Thu nhập bình quân	Trđ	7.40	7.50	101.35%

## **2. ĐỊNH HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2018**

Theo nhận định của HĐQT, năm 2018 tiếp tục đối đầu nhiều thử thách, khó khăn do tình hình kinh tế- chính trị thế giới ngày càng bất ổn, xung đột khó lường, nhiều yếu tố gây nguy cơ rủi ro xuất hiện có ảnh hưởng lớn, trực tiếp đến nhiều lĩnh vực kinh tế Việt Nam, điều này đòi hỏi Hội đồng quản trị công ty cần tăng cường sâu sát, chỉ đạo linh hoạt, kịp thời mọi diễn biến phát sinh trong năm 2018, đảm bảo hoạt động công ty đạt hiệu quả cao nhất theo định hướng và nghị quyết của ĐHĐCĐ 2018 đề ra..

Căn cứ vào định hướng chiến lược giai đoạn 2016-2020; Kết quả thực hiện sản xuất kinh doanh công tác năm 2017 Các dự báo tình hình trong nước, thế giới và xét khả năng nội lực công ty. Hội Đồng quản trị đề ra chương trình hành động của HĐQT trong năm 2018 như sau:

- Nhiệm vụ chung năm 2018 : tập trung lãnh đạo, chỉ đạo công ty thực hiện chiến lược sản xuất kinh doanh công ty giai đoạn 2018-2020: vừa hoàn thiện cũng cố cơ sở vật chất, thị trường, thị phần vừa tập trung khai thác năng lực sản xuất kinh doanh để nâng cao hiệu quả, khắc phục yếu kém trong sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận, thu nhập và đời sống cán bộ công nhân viên công ty.
- Nhiệm vụ cụ thể : tập trung chỉ đạo Tổng giám đốc và Ban điều hành công ty xây dựng và thực hiện chương trình mục tiêu hành động cụ thể, chi tiết về tất cả các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh công tác trong năm 2018, để thực hiện chiến lược công ty giai đoạn 2018-2020.



# V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

# HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ	NGÀY BỔ NHIỆM	GHI CHÚ
1	Lê Quang Hiệp	Chủ tịch HĐQT	23/04/2016	TV điều hành
2	Nguyễn Băng Tâm	Phó chủ tịch	23/04/2016	TV độc lập
3	Trương Phú Chiến	Ủy viên	23/04/2016	TV độc lập
4	Lê Công Nghiệp	Ủy viên	23/04/2016	TV điều hành
5	Tôn Chương Dương	Ủy viên	23/04/2016	TV độc lập

## TÓM TẮT LÝ LỊCH THÀNH VIÊN HĐQT

### **ÔNG LÊ QUANG HIỆP – CHỦ TỊCH HĐQT**

#### **Quá trình công tác:**

- 1981 – 1983 : Bộ đội Phòng Chính trị Bộ Tư Lệnh TP HCM.
- 1983 – 1985 : Phó phòng kỹ thuật Liên Hiệp XN Nhựa TP HCM.
- 1985 – 1991 : Giám đốc XN Quốc doanh Nhựa 4.
- 1991 – 1994 : Giám đốc XN Quốc Doanh Nhựa 5.
- 1994 – 2004 : Giám đốc Công ty Nhựa Đô Thành.
- 2004 – 5/2016 : Chủ Tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- 6/2016- Hiện nay: Chủ tịch HĐQT công ty
- Số lượng cổ phần sở hữu : 8.570.000 chiếm tỷ lệ: 10,51 %.
- Số lượng cổ phần được đại diện phân vốn nhà nước: 0 chiếm tỷ lệ: 0 %.(Tính đến ngày 31/12/2016)

### **ÔNG NGUYỄN BĂNG TÂM – PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT**

#### **Quá trình công tác:**

- 1969 – 1985 : Thành đoàn SG – GD , Bí Thư quận đoàn Bình Thạnh, Bí thư đảng ủy phường.
- 1986 – 1988 : Giám đốc Công ty Dịch vụ Bình Thạnh.
- 1988 – 1990 : Giám đốc Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Thạnh.
- 1990 – 2000 : Giám đốc Công ty XNK Bình Thạnh.

- 2000 – 2007 : Chủ Tịch HĐQT kiêm TGD Công ty XNK Bình Thạnh.
- 2007 – 2011 : Phó TGD Tổng Công ty Bến Thành, Chủ Tịch HĐQT Công ty Gilimex, Phó Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành, Phó Chủ tịch CLB các DN niêm yết CK Việt Nam.
- 2012- hiện nay: Phó Chủ Tịch HĐQT Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành, Phó Chủ tịch CLB các DN niêm yết CK Việt Nam, Chủ tịch hội Doanh nghiệp Quận Bình Thạnh.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 288.107 chiếm tỷ lệ: 3.53 %.

## **ÔNG TRƯỞNG PHÚ CHIẾN – THÀNH VIÊN HĐQT :**

### **Quá trình công tác :**

- 1988 – 1999 : Công tác tại Công ty Đường Biên Hòa : Nhân viên điều độ SX, Phó phòng nghiệp vụ, Trưởng phòng XNK.
- 1999 – hiện nay : Công tác tại Công ty CP Bánh kẹo Biên Hòa ( Bibica ) : Trưởng phòng XNK, Trưởng phòng vật tư và điều độ, Trưởng phòng Tài chính, Thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT .
- Hiện nay: TGD Công ty CP Bánh kẹo Biên Hòa (Bibica).  
UV HĐQT công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành
- Số lượng cổ phần đại diện Công ty CP Bibica : 90.771 chiếm tỷ lệ: 1,11%.

## **ÔNG TÔN CHƯƠNG DƯƠNG – THÀNH VIÊN HĐQT :**

### **Quá trình công tác :**

- 1984 – 1988 : Chủ cơ sở sản xuất nước đá Tân Phát.
- 1989- 1992 : Chủ cơ sở sản xuất Chi may mặc
- 1993- 1995 : Giám đốc công ty sản xuất bao bì nhựa
- 1996- 2004 : Giám đốc công ty sản xuất bao bì Thành Hữu
- 2005- 2016 : Chủ tịch HĐQT kiêm tổng giám đốc Công ty sản xuất bao bì nhựa Vinh Hoa
- Năm 2016: UV HĐQT công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành
- Số lượng cổ phần sở hữu: 162.990 chiếm tỷ lệ: 2 %.

## **ÔNG LÊ CÔNG NGHIỆP –TỔNG GIÁM ĐỐC**

### **Quá trình công tác :**

- 2004 - 2005 : Kỹ sư phát triển phần mềm Trung tâm CNTT- Trường ĐH kỹ thuật Sydney.
- 2005 – 2008 : Chuyên viên tư vấn giải pháp Công ty CP hệ thống thông tin FPT.
- 2008 – 2011 : Giám đốc Trung tâm kinh doanh HiPT - Công ty CP công nghệ HiPT.
- 2011 – 5/2016 : UV HĐQT , Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- 6/2016- hiện nay: UV HĐQT, Tổng giám đốc công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 10.000.000 CP chiếm tỷ lệ: 12,27 % Vốn điều lệ.

**( Công ty không có các tiểu ban Hội đồng quản trị)**

# CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT

CÁC CUỘC HỌP CỦA HĐQT					
STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Lê Quang Hiệp	Chủ Tịch	5/5	100%	
2	Nguyễn Băng Tâm	Phó Chủ tịch	5/5	100%	
3	Trương Phú Chiến	Thành Viên	5/5	100%	
4	Lê Công Nghiệp	Thành Viên	5/5	100%	
5	Tôn Chương Dương	Thành Viên	5/5	100%	

# NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN HỌP HĐQT

NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN HỌP HĐQT			
STT	Số Nghị quyết/Biên bản	Ngày tháng năm	Nội Dung
1	Nghị quyết NQ-HĐQT	14/04/2017	ĐHCĐ thường niên năm 2017.
2	Biên bản họp HĐQT Quý I/2017	11/3/2017	Báo cáo kết quả SXKD năm 2016- Các mặt hoạt động 2017. Dự thảo kế hoạch SXKD 2017. Bàn kế hoạch tổ chức ĐHCĐ 2017 Xem xét dự kiến chia cổ tức năm 2016
3	Biên bản họp HĐQT Quý II/2017	22/7/2017	Báo cáo kết quả SXKD 6 tháng đầu năm 2017. KH SXKD 6 tháng cuối năm 2017. Thông qua BC tài chính quý II/2017 Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát.
4	Biên bản họp HĐQT Quý III/2017	28/10/2017	Báo cáo kết quả SXKD Quý III/2017. KH SXKD Quý IV/2017 . Thông qua báo cáo TC Quý III/2017
5	Biên bản họp HĐQT Quý IV/2017	23/12/2017	Định hướng KH & phương hướng hoạt động SXKD năm 2018.

### **Đánh giá chung :**

Căn cứ theo định hướng chiến lược sản xuất kinh doanh công ty cho nhiệm kỳ 2016-2020 và kế hoạch sản xuất kinh doanh 2017. Năm 2017 được xem là năm tiếp tục củng cố toàn diện nội lực sản xuất kinh doanh, cơ sở vật chất, duy trì tốc độ tăng trưởng  $\geq 10\%$ , tạo tiền đề cần thiết để tăng tốc và phát triển bền vững cho giai đoạn tiếp theo 2018-2020.

Qua kết quả thực hiện, kết quả hoạt động kinh doanh đạt thấp hơn các chỉ tiêu đề ra là do nhiều lý do chủ quan và khách quan đã trình bày ở trên. Hoạt động củng cố nội lực đã được thực thi theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT đặt ra, khắc phục được khó khăn yếu kém và tạo được điều kiện thuận lợi sản xuất kinh doanh của công ty cho các năm sau.

Qua hai năm chuyển giao công tác quản lý sản xuất kinh doanh cho đội ngũ kế thừa (tháng 06/2016- tháng 06/2018), nhìn chung hoạt động sản xuất kinh doanh công ty vẫn tiếp tục ổn định đúng hướng và hoạt động năng động phù hợp với cơ chế thị trường biến động nhanh, phát huy tốt khả năng nhiệt tình của lực lượng trẻ.

Tuy nhiên về kinh nghiệm quản lý, kinh nghiệm trên thương trường còn nhiều hạn chế cần phải có thời gian điều chỉnh khắc phục. Về lĩnh vực kỹ thuật công nghệ sản xuất chuyên ngành cần có thời gian hướng dẫn, đào tạo, chuyển giao cho lớp trẻ để đủ kỹ năng, kinh nghiệm cần thiết quản lý công nghệ và kỹ thuật sản xuất chuyên ngành.

Hội đồng quản trị đã thường xuyên chỉ đạo, kịp thời thực hiện đúng quy định, chế độ báo cáo với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, UBCKNN, không để xảy ra vi phạm trong năm 2017.

# HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP KHÔNG ĐIỀU HÀNH

Những thành viên Hội đồng Quản trị độc lập không điều hành đã phối hợp cùng với các thành viên HĐQT điều hành tích cực tham gia công tác quản trị Công ty nói chung và Ban Tổng Giám Đốc nói riêng, đưa ra những đánh giá, những ý kiến khách quan nhằm mục tiêu cuối cùng là hoàn thiện hơn nữa vai trò chỉ đạo của HĐQT.

Các mặt công tác cụ thể hoạt động của Hội Đồng Quản trị trong năm qua bao gồm:

## **1/ Công tác lãnh đạo :**

Đã lãnh đạo, tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 đúng yêu cầu nội dung, thời gian theo qui định.

Đã duy trì tổ chức họp định kỳ hàng quý và các cuộc họp chuyên đề để xem xét đánh giá tình hình hoạt động của Công ty, xác định các chủ trương, ban hành các nghị quyết chỉ đạo sản xuất kinh doanh, tổ chức nhân sự, các chương trình – mục tiêu lớn của công ty. Trong năm, HĐQT Công ty đã tổ chức được 06 kỳ họp.

Đánh giá chung, HĐQT đã thực hiện nghiêm túc chế độ họp định kỳ, ra các Nghị quyết, chủ trương lãnh đạo đối với hoạt động Công ty đầy đủ và kịp thời. Mặt hạn chế của HĐQT là các thành viên kiêm nhiệm nhiều vị trí ở bên ngoài nên khó triệu tập, điều kiện sâu sát, nắm bắt tình hình công ty còn hạn chế.

## **2/ Công tác định hướng chiến lược Công ty:**

Năm 2017, HĐQT nhiệm kỳ trước đã xây dựng, ban hành định hướng chiến lược phát triển Công ty và chiến lược các lĩnh vực hoạt động Công ty giai đoạn 2016-2020. Đến nay, thực tế cho thấy nội dung định hướng chiến lược thực sự đầy đủ, dẫn dắt hoạt động Công ty mang lại hiệu quả.

Trong năm qua, HĐQT đã đầu tư nghiên cứu, định hướng đúng mức cho công tác này, xác định hướng phát triển phù hợp với diễn biến thị trường. Từ đó, có quyết sách trong chỉ đạo, điều hành công ty đúng hướng, có trọng tâm, mục tiêu ngắn-dài hạn để có hiệu quả trước mắt và bền vững lâu dài, tạo tiền đề, nền tảng ổn định và phát triển Công ty trong những năm tiếp theo.

### **3/Công tác giám sát-kiểm tra :**

Công tác giám sát-kiểm tra hoạt động của Công ty thông qua hoạt động của Ban Thường Trực HĐQT, thành viên HĐQT điều hành Công ty và thành viên Ban kiểm soát là CBCNV Công ty.

Thông qua báo cáo kết quả của Ban điều hành công ty, HĐQT thường xuyên kiểm tra –giám sát về vốn-tài chính, chế độ hạch toán-kế toán, chế độ tiền lương, mua sắm vật tư-thiết bị bên ngoài, quản lý sản xuất Nhà máy Củ Chi, chất lượng sản phẩm...

Qua công tác giám sát-kiểm tra đã kịp thời chấn chỉnh các sai sót trong quản lý điều hành công ty và chưa phát hiện nghi vấn, sai phạm gì lớn trong quản lý các cấp.

Qua kiểm tra-giám sát, HĐQT đã nắm bắt được các khó khăn, yếu kém cơ bản của Công ty, đã đưa ra các giải pháp để hạn chế, khắc phục.



# BAN KIỂM SOÁT

DANH SÁCH THÀNH VIÊN CỦA BAN KIỂM SOÁT				
STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng ban	23/04/2016	-
2	Ông Nguyễn Hữu Chí	Thành viên	23/04/2016	
3	Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên	23/04/2016	

## TÓM TẮT LÝ LỊCH THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

### **BÀ TRẦN THỊ THANH HẰNG – TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT**

#### **Quá trình công tác:**

- 2000 – 2007 : Giảng viên khoa Kinh tế vận tải biển – Trường ĐH GTVT TP HCM.
- 2000 - hiện nay : Giảng viên Khoa QTKD – Trường ĐH Kỹ thuật công nghệ TP HCM.
- 2004 – 2006 : Giám đốc Công ty CP Phát Phát.
- 2006 – 2010 : Giám đốc Công ty CP Hồng Ngân.
- 2008 – hiện nay : Thành viên Ban KS Công ty CP quản lý Quỹ Hợp Lực .
- 2010 – Hiện nay : Trưởng ban KS Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.
- 2010 – Hiện nay : Tổng Giám đốc Công ty CP Đầu tư & Đào tạo Doanh Chủ.
- Số lượng cổ phần sở hữu : 1.000 chiếm tỷ lệ: 0,01 %.
- Số lượng cổ phần đại diện Cty CP Hồng Ngân : 93.610 chiếm tỷ lệ: 1.14 %.

### **ÔNG NGUYỄN HỮU CHÍ – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT :**

#### **Quá trình công tác :**

- 1998 – 2001 : Công ty chế biến lâm sản xuất khẩu Bình Dương.
- 2001 – 2015 : Công tác giao nhận xuất nhập khẩu, Kế hoạch và theo dõi tiến độ SX, phụ trách công tác tổ chức nhân sự - Phòng TCHC – Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành.

- 2016 – hiện nay: Giám đốc Phòng tổ chức nhân sự Công ty CP Kỹ nghệ Đô Thành
- Số lượng cổ phần sở hữu : 1 chiếm tỷ lệ: 0,00001 %.

**BÀ TRẦN THỊ THU THẢO – THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT :**

**Quá trình công tác :**

- 2002 – 2011 : Nhân viên kế toán tại Công ty DNTN SX TM Tuấn Thành.
- 2012 – nay : Phó phòng kế toán tại Công ty Cổ Phần Kỹ Nghệ Đô Thành
- Số lượng cổ phần sở hữu : 0 chiếm tỷ lệ: 0 %.

## HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trong năm 2017, Ban kiểm soát đã tiến hành thực hiện nhiệm vụ theo Quy chế làm việc và Chương trình làm việc của BKS năm 2017. Ban kiểm soát công ty luôn theo dõi chặt chẽ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty về sản lượng sản xuất, doanh thu bán hàng, chi phí kinh doanh và lợi nhuận đạt được.

Các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đều được HĐQT mời tham dự họp để nắm bắt rõ hơn về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty cũng như công tác quản lý điều hành của Tổng Giám Đốc và báo cáo đầy đủ kết quả giám sát trong các kỳ họp.

Các thành viên trong BKS đã thực hiện nhiệm vụ 1 cách trung thực, cẩn trọng, từng thành viên được phân công trách nhiệm cụ thể theo chương trình làm việc của BKS Một số kết quả hoạt động của BKS là:

1. Thực hiện giám sát việc thực hiện nhiệm vụ của HĐQT, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty. Thường xuyên trao đổi với HĐQT về tình hình SXKD của công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Theo dõi việc áp dụng các chế độ về lương, định mức năng suất sản xuất ...
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm cho công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty.
6. Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho cổ đông.

# CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI

## THÙ LAO, LƯƠNG, THƯỜNG VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Lương	Thưởng	Thù lao	Khác	Cộng
<b>HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>							
1	Lê Quang Hiệp	CT HĐQT	322.694.979		37.200.000		<b>359.894.979</b>
2	Nguyễn Băng Tâm	P.CT HĐQT			31.200.000	-	<b>31.200.000</b>
3	Trương Phú Chiến	TV HĐQT			26.400.000	-	<b>26.400.000</b>
4	Lê Công Nghiệp	TV HĐQT	317.172.652		26.400.000	-	<b>343.572.652</b>
5	Tôn Chương Dương	TV HĐQT			26.400.000		<b>26.400.000</b>
<b>BAN KIỂM SOÁT</b>							
7	Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng BKS			28.800.000		<b>28.800.000</b>
8	Nguyễn Hữu Chí	TV BKS	190.062.206		21.600.000	-	<b>211.662.206</b>
9	Trần Thị Thu Thảo	TV BKS	131.010.264		21.600.000	-	<b>152.610.264</b>

## GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số CP đầu năm 2017	Số CP Tăng/Giảm trong năm 2017	Số CP cuối năm 2017
1	Tôn Chương Dương	TV HĐQT	80.200	82.790	162.990

# **VI/ BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017**

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

(đã được kiểm toán)

# CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh

---

## NỘI DUNG

	<b>Trang</b>
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 -05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-38
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-38

## **CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh

---

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

#### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành, tên tiếng nước ngoài là Do Thanh Technology Corporation, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty nhựa Đô Thành theo Quyết định số 5777/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 12 năm 2003.

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 0303310875 (số cũ 4103002375) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 28 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

#### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Quang Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Băng Tâm	Phó Chủ tịch
Ông Trương Phú Chiến	Thành viên
Ông Lê Công Nghiệp	Thành viên
Ông Tôn Chương Dương	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lê Công Nghiệp	Tổng Giám đốc
Ông Lê Quang Hiệp	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng ban
Bà Trần Thị Thu Thảo	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Chí	Thành viên

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.



## CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH

Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh

---

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Trần Văn Tuấn  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Số: /BCTC.HCM

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành được lập ngày 06 tháng 02 năm 2018, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính .

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc Báo cáo tài chính về vấn đề sau: Tại ngày 31/12/2017, Công ty đang nắm giữ 07 sổ đỏ của 7 lô đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Hùng Thịnh để đảm bảo cho nghĩa vụ bán hàng trả chậm của Công ty này. Tuy nhiên giao dịch này vẫn chưa được đăng ký giao dịch đảm bảo theo quy định hiện hành. Chi tiết xem tại Thuyết minh số 22.

Vấn đề nhấn mạnh này không làm thay đổi ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần của chúng tôi.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



---

Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

---

Trần Hà Kiên

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2284-2018-002-1

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2018

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>70.966.860.041</b>	<b>70.169.198.041</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>7.912.221.892</b>	<b>7.914.003.867</b>
111	1. Tiền		7.912.221.892	7.914.003.867
	- Tiền mặt tại quỹ		1.859.080.867	496.565.970
	- Tiền gửi ngân hàng		6.053.141.025	7.417.437.897
	- Tiền đang chuyển		-	-
112	3. Các khoản tương đương tiền		-	-
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.133.242.139</b>	<b>1.136.239.943</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		72.000	72.000
	- Cổ phiếu		72.000	72.000
	- Trái phiếu		-	-
	- Chứng khoán và công cụ tài chính khác		-	-
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)		-	-
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		1.133.170.139	1.136.167.943
	- Tiền gửi có kỳ hạn		1.133.170.139	1.136.167.943
	- Trái phiếu		-	-
	- Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>35.381.292.035</b>	<b>33.088.640.953</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	32.697.504.179	30.810.561.429
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.437.738.125	1.754.490.315
133	2. Phải thu nội bộ ngắn hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá ngắn hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa ng		-	-
	- Phải thu nội bộ ngắn hạn khác ngắn hạn		-	-
	- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá ngắn hạn (dư nợ)		-	-
	- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa ng		-	-
	- Phải trả nội bộ khác ngắn hạn (dư nợ)		-	-
134	2. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
135	2. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	-
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	2.129.674.032	2.250.593.102
	- Phải thu về cổ phần hoá (TK1385)		-	-
	- Phải thu cán bộ công nhân viên (TK334 Dư nợ)		-	-
	- Kinh phí công đoàn		-	-
	- Bảo hiểm xã hội		-	19.925.025
	- Bảo hiểm y tế		-	1.300.620
	- Bảo hiểm thất nghiệp		-	1.211.720
	- Tạm ứng		-	-
	- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược		-	-
	- Phải thu khác (TK1388)		2.129.674.032	2.228.155.737
	- Phải trả khác (dư nợ TK 3388)		-	-
137	8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.883.624.301)	(1.727.003.893)
139	8. Tài sản thiếu chờ xử lý		-	-

<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>26.353.991.987</b>	<b>27.484.773.054</b>
141	1. Hàng tồn kho		26.627.980.175	27.758.761.242
	- Hàng mua đang đi đường		135.222.095	1.308.423.600
	- Nguyên liệu, vật liệu		13.017.306.677	15.351.900.378
	- Công cụ, dụng cụ		3.645.177.845	1.119.690.240
	- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang		103.936.346	1.463.467.692
	- Thành phẩm		9.170.376.897	8.218.947.196
	- Hàng hoá		281.972.127	22.343.948
	- Hàng gửi đi bán		273.988.188	273.988.188
	- Hàng hoá kho bảo thuế		-	-
	- Hàng hoá bất động sản		-	-
149	9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(273.988.188)	(273.988.188)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>186.111.988</b>	<b>545.540.224</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	183.724.474	545.540.224
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		-	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	2.387.514	-
	- Thuế Giá trị gia tăng		-	-
	- Thuế Tiêu thụ đặc biệt		-	-
	- Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		2.387.514	-
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		-	-
	- Thuế Thu nhập cá nhân		-	-
	- Thuế Tài nguyên		-	-
	- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		-	-
	- Thuế bảo vệ môi trường		-	-
	- Các loại thuế khác		-	-
	- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	-
154	3. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác		-	-
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>87.389.634.429</b>	<b>87.824.611.711</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>265.333.320</b>	<b>406.977.780</b>
211	0. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	-	-
212	0. Trả trước cho người bán dài hạn	6	-	-
213	0. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc		-	-
214	0. Phải thu nội bộ dài hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá dài hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa dài hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ khác dài hạn		-	-
	- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá dài hạn (dư nợ)		-	-
	- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa dài hạn		-	-
	- Phải trả nội bộ khác dài hạn (dư nợ)		-	-
215	0. Phải thu về cho vay dài hạn		-	-
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	265.333.320	406.977.780
	- Phải thu về cổ phần hoá (TK1385)		-	-
	- Phải thu cán bộ công nhân viên (TK334 Dư nợ)		-	-
	- Tạm ứng		-	-
	- Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược		265.333.320	406.977.780
	- Phải thu khác (TK1388)		-	-
	- Phải trả khác (dư nợ TK 3388)		-	-

219	2.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
<b>220</b>	<b>II.</b>	<b>Tài sản cố định</b>		<b>82.824.520.901</b>	<b>81.444.308.139</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	11	61.667.473.358	58.429.731.393
222	-	Nguyên giá		118.006.264.268	108.071.029.456
223	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(56.338.790.910)	(49.641.298.063)
224	2.	Tài sản cố định thuê tài chính	12	1.944.648.507	3.139.294.170
225	-	Nguyên giá		2.330.598.348	3.545.335.583
226	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(385.949.841)	(406.041.413)
227	3.	Tài sản cố định vô hình	13	19.212.399.036	19.875.282.576
228	-	Nguyên giá		24.495.817.509	24.495.817.509
229	-	Giá trị hao mòn lũy kế		(5.283.418.473)	(4.620.534.933)
<b>230</b>	<b>III.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>		-	-
231	-	Nguyên giá		-	-
232	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-	-
<b>240</b>	<b>IV.</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>1.279.850.744</b>	<b>3.374.850.744</b>
241	0.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
	-	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
	-	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	-
242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	1.279.850.744	3.374.850.744
<b>250</b>	<b>V.</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>4</b>	<b>1.186.724.471</b>	<b>1.461.148.822</b>
251	0.	Đầu tư vào công ty con		-	-
252	1.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.500.000.000	1.500.000.000
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
254	2.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(313.275.529)	(38.851.178)
255	2.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
	-	Tiền gửi có kỳ hạn		-	-
	-	Trái phiếu		-	-
	-	Các khoản đầu tư khác nắm giữ đến ngày đáo hạn		-	-
<b>260</b>	<b>VI.</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.833.204.993</b>	<b>1.137.326.226</b>
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	14	1.833.204.993	1.137.326.226
262	1.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	.a	-	-
263	1.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
	-	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
	-	Dự phòng giảm giá Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		-	-
268	1.	Tài sản dài hạn khác		-	-
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>			<b>158.356.494.470</b>	<b>157.993.809.752</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017  
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>38.510.754.381</b>	<b>35.827.032.381</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>38.003.834.381</b>	<b>34.021.293.456</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	8.451.015.532	4.829.009.195
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.581.796.429	1.238.904.623
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	1.780.573.263	2.062.359.429
	- Thuế Giá trị gia tăng		411.814.064	92.009.888
	- Thuế Tiêu thụ đặc biệt		-	-
	- Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu		-	-
	- Thuế Thu nhập doanh nghiệp		1.079.931.984	1.958.664.249
	- Thuế Thu nhập cá nhân		285.336.990	11.685.292
	- Thuế Tài nguyên		-	-
	- Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất		3.490.225	-
	- Thuế bảo vệ môi trường		-	-
	- Các loại thuế khác		-	-
	- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		-	-
314	8. Phải trả người lao động		1.032.000.000	1.313.545.000
315	9. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	113.098.306	234.307.942
316	9. Phải trả nội bộ ngắn hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá ngắn hạn (dư có)		-	-
	- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa ng		-	-
	- Phải thu nội bộ ngắn hạn khác ngắn hạn (dư có)		-	-
	- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá ngắn hạn		-	-
	- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa ng		-	-
	- Phải trả nội bộ khác ngắn hạn		-	-
317	9. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		-	-
318	9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	-
319	10. Phải trả ngắn hạn khác	19	992.075.468	880.453.270
	- Tài sản thừa chờ giải quyết		-	-
	- Kinh phí công đoàn		103.002.204	49.225.720
	- Bảo hiểm xã hội		198.054.457	-
	- Bảo hiểm y tế		28.591.674	-
	- Bảo hiểm thất nghiệp		27.440.283	-
	- Phải trả về cổ phần hoá		-	-
	- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		-	-
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác		634.986.850	831.227.550
	- Phải thu khác (Dư Có TK 1388)		-	-
	- Tạm ứng (Dư Có TK 141)		-	-
320	16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	20	23.324.136.122	23.374.232.171
	- Các khoản đi vay ngắn hạn		23.263.935.722	23.374.232.171
	- Nợ thuê tài chính ngắn hạn		60.200.400	-
	- Mệnh giá trái phiếu đến hạn thanh toán 12 tháng		-	-

321	18. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
	- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa		-	-
	- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-	-
	- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp		-	-
	- Dự phòng phải trả khác		-	-
322	19. Quỹ khen thưởng phúc lợi		729.139.261	88.481.826
	- Quỹ khen thưởng		729.139.261	88.481.826
	- Quỹ phúc lợi		-	-
	- Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định		-	-
	- Quỹ thưởng ban quản lý điều hành công ty		-	-
323	20. Quỹ bình ổn giá		-	-
324	20. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		-	-
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>506.920.000</b>	<b>1.805.738.925</b>
331	0. Phải trả người bán dài hạn	15	-	-
332	0. Người mua trả tiền trước dài hạn	16	-	-
333	0. Chi phí phải trả dài hạn		-	-
334	0. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh		-	-
335	0. Phải trả nội bộ dài hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ về chênh lệch tỷ giá dài hạn (dư có)		-	-
	- Phải thu nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa dài hạn		-	-
	- Phải thu nội bộ ngắn hạn khác dài hạn (dư có)		-	-
	- Phải trả nội bộ về chênh lệch tỷ giá dài hạn		-	-
	- Phải trả nội bộ về chi phí đi vay đủ điều kiện được vốn hóa dài hạn		-	-
	- Phải trả nội bộ khác dài hạn		-	-
336	0. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		-	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	19	506.920.000	506.920.000
	- Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược		300.000.000	300.000.000
	- Phải trả dài hạn khác		206.920.000	206.920.000
338	4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	20	-	1.298.818.925
	- Các khoản đi vay dài hạn		60.200.400	1.298.818.925
	- Nợ thuê tài chính dài hạn		(60.200.400)	-
	- Mệnh giá trái phiếu		-	-
	- Chiết khấu trái phiếu (*)		-	-
	- Phụ trội trái phiếu		-	-
339	6. Trái phiếu chuyển đổi		-	-
340	6. Cổ phiếu ưu đãi		-	-
341	6. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	.b	-	-
342	6. Dự phòng phải trả dài hạn		-	-
	- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa		-	-
	- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-	-
	- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp		-	-
	- Dự phòng phải trả khác		-	-
343	6. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
	- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		-	-
	- Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành TSCĐ		-	-
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>119.845.740.089</b>	<b>122.166.777.371</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>119.845.740.089</b>	<b>122.166.777.371</b>



411	1.	Vốn góp của chủ sở hữu	81.518.200.000	81.518.200.000
411a		<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	81.518.200.000	81.518.200.000
411b		<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
412	2.	Thặng dư vốn cổ phần	29.270.228.800	29.270.228.800
413	2.	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-
414	2.	Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
415	2.	Cổ phiếu quỹ (*)	-	-
416	2.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
417	2.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
418	3.	Quỹ đầu tư phát triển	3.606.809.881	3.120.886.497
419	3.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-
420	3.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
421	4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	5.450.501.408	8.257.462.074
421a		<i>LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước</i>	1.251.207.255	116.887.716
421b		<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>	4.199.294.153	8.140.574.358
422	4.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	-	-
<b>430</b>	<b>II.</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	-	-
431	0.	Nguồn kinh phí	-	-
	-	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp năm trước</i>	-	-
	-	<i>Nguồn kinh phí sự nghiệp năm nay</i>	-	-
	-	<i>Chi sự nghiệp năm trước</i>	-	-
	-	<i>Chi sự nghiệp năm nay</i>	-	-
432	0.	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
<b>440</b>		<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>158.356.494.470</b>	<b>157.993.809.752</b>
			-	-

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Thị Thùy Dương  
Người lập



Nguyễn Hồng Nhung  
Kế toán trưởng



Lê Công Nghiệp  
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23	122.351.854.863	126.045.494.101
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	70.769.091
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		122.351.854.863	125.974.725.010
11	4. Giá vốn hàng bán	24	104.128.035.026	104.987.544.474
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		18.223.819.837	20.987.180.536
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25	36.893.437	257.641.545
22	7. Chi phí tài chính	26	1.985.317.808	1.081.919.813
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		1.682.540.689	1.396.718.228
25	8. Chi phí bán hàng	27	4.793.390.377	4.408.828.879
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	6.256.768.828	6.924.486.702
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.225.236.261	8.829.586.687
31	11. Thu nhập khác	29	54.533.996	1.930.152.805
32	12. Chi phí khác	30	544.120	194.238.837
40	13. Lợi nhuận khác		53.989.876	1.735.913.968
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.279.226.137	10.565.500.655
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	1.079.931.984	2.124.494.297
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	300.432.000
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>4.199.294.153</u>	<u>8.140.574.358</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	32	515	999

Trần Thị Thùy Dương  
Người lập

Nguyễn Hồng Nhung  
Kế toán trưởng





Lê Công Nghiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 01 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*Năm 2017*  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		131.614.766.931	141.014.280.437
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(83.452.940.274)	(124.604.240.607)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(21.286.323.217)	(16.910.644.688)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(1.814.616.831)	(1.816.262.921)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.958.664.249)	(1.571.024.544)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		1.631.179.576	2.029.464.940
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(8.789.248.049)	(7.395.329.796)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>15.944.153.887</b>	<b>(9.253.757.179)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(8.709.404.613)	8.294.317.006
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	215.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		7.776.151	26.507.851
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(8.701.628.462)</b>	<b>8.535.824.857</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		50.127.528.578	55.568.028.636
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(51.476.443.552)	(51.130.680.822)
35	3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	(1.033.652.304)
36	4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(5.902.514.700)	(3.270.573.325)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>(7.251.429.674)</b>	<b>133.122.185</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>		<b>(8.904.249)</b>	<b>(584.810.137)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>		<b>7.914.003.867</b>	<b>8.445.121.698</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		7.122.274	53.692.306
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>3</b>	<b>7.912.221.892</b>	<b>7.914.003.867</b>

  
Trần Thị Thùy Dương  
Người lập

  
Nguyễn Hồng Nhung  
Kế toán trưởng

  
Lê Công Nghiệp  
Tổng Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Năm 2017*

### **1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đô Thành, tên tiếng nước ngoài là Do Thanh Technology Corporation, được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty nhựa Đô Thành theo Quyết định số 5777/QĐ-UB của Chủ tịch UBND Thành phố Hồ Chí Minh ngày 31 tháng 12 năm 2003.

Công ty Cổ phần Kỹ Nghệ Đô Thành được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần số 0303310875 (số cũ 4103002375) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 04 tháng 06 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 28 tháng 06 năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 81.518.200.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 81.518.200.000 đồng; tương đương 8.151.820 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất sản phẩm nhựa từ chất dẻo, bao bì chai nhựa PET, ống nhựa PP, PE (không tái chế phế thải nhựa tại trụ sở);
- Chế tạo và sản xuất các khuôn mẫu nhựa (không tái chế phế thải kim loại và xi mạ điện);
- Mua bán hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu, phụ tùng, thiết bị khuôn mẫu ngành nhựa;
- Cho thuê mặt bằng, cho thuê phòng.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

### **2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**

#### **2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

#### **2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

##### *Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

**2.3 . Công cụ tài chính**

*Ghi nhận ban đầu*

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**2.4 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

**2.6 . Các khoản đầu tư tài chính**

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

*Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh liên kết* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty liên doanh, liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**2.7 . Các khoản nợ phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

**2.8 . Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí nguyên vật liệu chính cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## **2.9 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (trường hợp giá trị hợp lý cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu) cộng các chi phí trực tiếp phát sinh ban đầu liên quan đến hoạt động thuê tài chính (không bao gồm thuế GTGT). Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao của tài sản cố định thuê tài chính được trích căn cứ theo thời gian thuê theo hợp đồng và tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh, đảm bảo thu hồi đủ vốn.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	08 năm
- Quyền sử dụng đất	46 năm
- Phần mềm quản lý	08 năm

## **2.10 . Chi phí trả trước**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.11 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.12 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính**

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**2.13 . Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**2.14 . Chi phí phải trả**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi vay phải trả, chi phí phải trả khác... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**2.15 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**2.16 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**2.17 . Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm gồm: Hàng bán bị trả lại.

Các khoản hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của năm phát sinh (năm sau).

**2.18 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

**2.19 . Chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**2.20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**2.21 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Tiền mặt	1.859.080.867	496.565.970
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	6.053.141.025	7.417.437.897
	<b><u>7.912.221.892</u></b>	<b><u>7.914.003.867</u></b>

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn	1.133.170.139	1.133.170.139	1.136.167.943	1.136.167.943
	<b><u>1.133.170.139</u></b>	<b><u>1.133.170.139</u></b>	<b><u>1.136.167.943</u></b>	<b><u>1.136.167.943</u></b>

Tại ngày 31/12/2017, là khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Đông Nam Á có giá trị 49.900 USD.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH**

Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****b) Chứng khoán kinh doanh**

	31/12/2017			01/01/2017		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn	72.000	72.000	-	72.000	72.000	-
	<b>72.000</b>	<b>72.000</b>	<b>-</b>	<b>72.000</b>	<b>72.000</b>	<b>-</b>

Giá trị hợp lý được xác định theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2017 trên sàn HOSE.

**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Đầu tư vào Công ty liên doanh</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(313.275.529)</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(38.851.178)</b>
- Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long	1.500.000.000	(313.275.529)	1.500.000.000	(38.851.178)
	<b>1.500.000.000</b>	<b>(313.275.529)</b>	<b>1.500.000.000</b>	<b>(38.851.178)</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty tại ngày 31/12/2017 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long	Hải Dương	17,65%	Đồng kiểm soát	Kinh doanh các sản phẩm nhựa

Theo Hợp đồng liên doanh số 01/HĐLD ngày 09/05/2009 giữa Công ty TNHH Đại Hùng Thịnh (tỷ lệ góp vốn 50%), Công ty TNHH Thương mại Lâm Long (tỷ lệ góp vốn 25%) và Công ty Cổ phần Kỹ nghệ Đồ Thành (tỷ lệ góp vốn 25%) thống nhất thành lập xí nghiệp liên doanh là Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long. Theo đó, các bên tham gia hợp đồng liên doanh thỏa thuận mỗi bên cử 1 người tham gia Hội đồng quản trị để cùng đồng kiểm soát đối với liên doanh này. Tại ngày 31/12/2016, Công ty đã góp vốn với số tiền 1.500.000.000 VND tương ứng tỷ lệ 17,65% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long.

**Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty liên doanh trong năm: Xem thuyết minh số 37.**

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn</b>		
- Công ty TNHH Đại Hùng Thịnh	4.433.243.257	4.608.243.257
- Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long	1.013.662.496	1.213.662.496
- Công ty TNHH SX TM Dịch vụ Nhựa Vàng	3.165.274.265	1.250.142.741
- TKR PACKAGING LLC	2.182.253.196	2.878.154.999
- Công ty Cổ phần NOSAFOOD	429.172.480	1.057.791.888
- Các khoản phải thu khách hàng khác	21.473.898.485	19.802.566.048
	<b>32.697.504.179</b>	<b>30.810.561.429</b>
<b>b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>1.013.662.496</b>	<b>1.213.662.496</b>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 37.		

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần nhựa Bảo Vân	-	-	963.401.670	-
Lotte Chemical Corporation	2.567.565.000	-	-	-
Shaoxing Keqiao Huangguan Machinery Co.,ltd	293.803.950	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	576.369.175	-	791.088.645	-
	<b>3.437.738.125</b>	<b>-</b>	<b>1.754.490.315</b>	<b>-</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**7 . PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	19.925.025	-
Phải thu về bảo hiểm y tế	-	-	1.300.620	-
Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	-	-	1.211.720	-
Thuế GTGT tài sản cố định thuê tài chính	101.625.151	-	180.641.481	-
Phải thu tiền lãi chậm thanh toán	2.003.241.813	-	2.003.241.813	-
Phải thu khác	24.807.068	-	44.272.443	-
	<b>2.129.674.032</b>	<b>-</b>	<b>2.250.593.102</b>	<b>-</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
Ký cược, ký quỹ	265.333.320	-	406.977.780	-
	<b>265.333.320</b>	<b>-</b>	<b>406.977.780</b>	<b>-</b>

**8 . NỢ XẤU**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thực phẩm và Thức uống Việt	136.783.399	-	136.783.399	-
- TKR Packaging LLC	2.154.903.035	-	2.154.903.035	1.094.275.224
- Công ty Cổ phần Gia Phú	126.513.500	-	126.513.500	-
- Công ty TNHH Golden Horse	104.247.780	-	104.247.780	25.061.945
- Các công ty khác	409.561.556	48.384.969	409.561.556	85.668.208
	<b>2.932.009.270</b>	<b>48.384.969</b>	<b>2.932.009.270</b>	<b>1.205.005.377</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**9 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	135.222.095	-	1.308.423.600	-
Nguyên liệu, vật liệu	13.017.306.677	-	15.351.900.378	-
Công cụ, dụng cụ	3.645.177.845	-	1.119.690.240	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	103.936.346	-	1.463.467.692	-
Thành phẩm	9.170.376.897	-	8.218.947.196	-
Hàng hoá	281.972.127	-	22.343.948	-
Hàng gửi đi bán	273.988.188	(273.988.188)	273.988.188	(273.988.188)
	<b>26.627.980.175</b>	<b>(273.988.188)</b>	<b>27.758.761.242</b>	<b>(273.988.188)</b>

**10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Đầu tư xây dựng nhà xưởng tại Nhà máy Củ Chi	1.279.850.744	3.374.850.744
	<b>1.279.850.744</b>	<b>3.374.850.744</b>

**Thông tin bổ sung Dự án xây dựng nhà xưởng tại Nhà máy Củ Chi**

- Theo Quyết định số 118/QĐ-HĐQT ngày 16/04/2011, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt Dự án xây dựng nhà xưởng tại Nhà máy Củ Chi, Huyện Củ Chi với tổng mức đầu tư 5,5 tỷ đồng;
- Mục tiêu đầu tư dự án: Đầu tư xây dựng nhà kho, nhà xưởng nhằm mở rộng quy mô sản xuất sản phẩm;
- Thời gian thực hiện dự án: 15 tháng kể từ ngày bắt đầu khởi công;
- Đến thời điểm 31/12/2017, hạng mục nhà kho thành phẩm đã hoàn thành và đưa vào sử dụng, dự án còn một hạng mục nhà xưởng sản xuất đang tạm dừng, dự kiến trong năm 2018 Công ty sẽ tiến hành tái khởi động lại dự án và nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng trong quý IV/2018.

**11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	33.412.644.939	73.030.789.125	1.469.691.801	157.903.591	108.071.029.456
- Mua trong năm	674.303.054	5.831.587.658	105.454.545	-	6.611.345.257
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	2.095.000.000	-	-	-	2.095.000.000
- Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	1.228.889.555	-	-	1.228.889.555
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>36.181.947.993</b>	<b>80.091.266.338</b>	<b>1.575.146.346</b>	<b>157.903.591</b>	<b>118.006.264.268</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	9.437.683.962	38.937.204.988	1.175.936.062	90.473.051	49.641.298.063
- Khấu hao trong năm	1.509.150.730	4.818.301.251	98.291.078	15.302.724	6.441.045.783
- Chuyển từ tài sản cố định thuê tài chính	-	256.447.064	-	-	256.447.064
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>10.946.834.692</b>	<b>44.011.953.303</b>	<b>1.274.227.140</b>	<b>105.775.775</b>	<b>56.338.790.910</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	23.974.960.977	34.093.584.137	293.755.739	67.430.540	58.429.731.393
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>25.235.113.301</b>	<b>36.079.313.035</b>	<b>300.919.206</b>	<b>52.127.816</b>	<b>61.667.473.358</b>

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 20.089.529.126 VND

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là máy móc, thiết bị với nguyên giá, khấu hao lũy kế tại ngày 31/12/2017 lần lượt là 2.330.598.348 đồng và 385.949.841 đồng, chi phí khấu hao phát sinh trong năm là 236.355.492 đồng.

**13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	<b>Cộng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	23.262.000.000	1.233.817.509	24.495.817.509
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>23.262.000.000</b>	<b>1.233.817.509</b>	<b>24.495.817.509</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	4.338.422.865	282.112.068	4.620.534.933
- Khấu hao trong năm	521.142.406	141.741.134	662.883.540
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>4.859.565.271</b>	<b>423.853.202</b>	<b>5.283.418.473</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	18.923.577.135	951.705.441	19.875.282.576
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>18.402.434.729</b>	<b>809.964.307</b>	<b>19.212.399.036</b>

Công ty đã sử dụng Quyền sử dụng đất ở địa chỉ ấp 12, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, thành phố Hồ Chí Minh với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2017 là: 18.402.434.729 VND để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn.

**14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Chi phí sửa chữa khuôn phôi	16.476.300	30.440.450
Công cụ dụng cụ xuất dùng	167.248.174	334.405.255
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	180.694.519
	<b>183.724.474</b>	<b>545.540.224</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.458.276.894	955.258.732
Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	282.603.554	48.402.366
Chi phí trả trước dài hạn khác	92.324.545	133.665.128
	<b>1.833.204.993</b>	<b>1.137.326.226</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<b>Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn</b>				
Công ty TNHH TM - XD - SX Minh Phát	150.000.000	150.000.000	351.298.900	351.298.900
Công ty Cổ phần Tân Phú Sài Gòn	618.189.000	618.189.000	217.880.000	217.880.000
Công ty TNHH Máy ép nhựa CHESO Việt Nam	231.859.900	231.859.900	463.719.700	463.719.700
Công ty TNHH Khải Tiến	205.614.439	205.614.439	373.259.290	373.259.290
Công ty TNHH TMDV Nghị Tín	1.750.193.000	1.750.193.000	39.646.800	39.646.800
Phải trả các đối tượng khác	5.495.159.193	5.495.159.193	3.383.204.505	3.383.204.505
	<b>8.451.015.532</b>	<b>8.451.015.532</b>	<b>4.829.009.195</b>	<b>4.829.009.195</b>

**16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
G.I Import Export Company Limited	438.760.132	438.760.132
Interdesign INC	122.446.755	75.759.924
Partsnsupplies	131.657.174	256.994.619
Công ty TNHH Quốc tế Vinapas Việt Nam	196.243.000	-
Công ty TNHH Thành Tâm 668	117.018.186	-
Khoản người mua trả tiền trước khác	575.671.182	467.389.948
	<b>1.581.796.429</b>	<b>1.238.904.623</b>

**17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	92.009.888	5.181.619.034	4.861.814.858	-	411.814.064
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-	-	107.079.192	109.466.706	2.387.514	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.958.664.249	1.079.931.984	1.958.664.249	-	1.079.931.984
Thuế Thu nhập cá nhân	-	11.685.292	324.456.878	50.805.180	-	285.336.990
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	556.486.945	552.996.720	-	3.490.225
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	-	<b>2.062.359.429</b>	<b>7.252.574.033</b>	<b>7.536.747.713</b>	<b>2.387.514</b>	<b>1.780.573.263</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	79.348.306	200.557.942
- Chi phí phải trả khác	33.750.000	33.750.000
	<b>113.098.306</b>	<b>234.307.942</b>

**19 . PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	103.002.204	49.225.720
- Bảo hiểm xã hội	198.054.457	-
- Bảo hiểm y tế	28.591.674	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	27.440.283	-
- Cổ tức phải trả	576.936.850	773.177.550
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	58.050.000	58.050.000
	<b>992.075.468</b>	<b>880.453.270</b>
<b>b) Dài hạn</b>		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	300.000.000	300.000.000
- Phải trả về cổ phần hóa	206.920.000	206.920.000
	<b>506.920.000</b>	<b>506.920.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**20 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong năm		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>19.787.286.054</b>	<b>19.787.286.054</b>	<b>48.953.789.930</b>	<b>47.330.227.184</b>	<b>21.410.848.800</b>	<b>21.410.848.800</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Sài Gòn (1)	15.143.239.692	15.143.239.692	34.993.398.800	30.490.209.692	19.646.428.800	19.646.428.800
- Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây (2)	4.644.046.362	4.644.046.362	13.960.391.130	16.840.017.492	1.764.420.000	1.764.420.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>3.586.946.117</b>	<b>3.586.946.117</b>	<b>3.170.392.384</b>	<b>4.844.051.179</b>	<b>1.913.287.322</b>	<b>1.913.287.322</b>
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (3)	791.926.400	791.926.400	-	650.000.000	141.926.400	141.926.400
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây - USD (4.1)	361.540.560	361.540.560	536.641.120	508.221.760	389.959.920	389.959.920
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây - VND (4.2)	1.412.100.000	1.412.100.000	1.550.024.492	1.928.572.320	1.033.552.172	1.033.552.172
- Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (5)	1.021.379.157	1.021.379.157	1.083.726.772	1.757.257.099	347.848.830	347.848.830
	<b>23.374.232.171</b>	<b>23.374.232.171</b>	<b>52.124.182.314</b>	<b>52.174.278.363</b>	<b>23.324.136.122</b>	<b>23.324.136.122</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	01/01/2017		Trong ngày 06 tháng 02 năm 2018		31/12/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn (3)	791.926.400	791.926.400	-	650.000.000	141.926.400	141.926.400
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây - USD (4.1)	723.263.440	723.263.440	-	333.303.520	389.959.920	389.959.920
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Tây - VND (4.2)	1.999.200.000	1.999.200.000	402.688.332	1.368.336.160	1.033.552.172	1.033.552.172
<b>Nợ thuê tài chính dài hạn</b>	<b>1.371.375.202</b>	<b>1.371.375.202</b>	-	<b>1.023.526.372</b>	<b>347.848.830</b>	<b>347.848.830</b>
- Công ty cho thuê tài chính quốc tế Việt Nam (5)	1.371.375.202	1.371.375.202	-	1.023.526.372	347.848.830	347.848.830
	<b>4.885.765.042</b>	<b>4.885.765.042</b>	<b>402.688.332</b>	<b>3.375.166.052</b>	<b>1.913.287.322</b>	<b>1.913.287.322</b>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(3.586.946.117)	(3.586.946.117)	(3.170.392.384)	(4.844.051.179)	(1.913.287.322)	(1.913.287.322)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<b>1.298.818.925</b>	<b>1.298.818.925</b>			-	-

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 1168/HDTD ngày 31/7/2015 và các biên bản sửa đổi bổ sung đính kèm, với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 VND hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;
  - + Thời hạn cho vay: 12 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017: 19.646.428.800 VND;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp bất động sản theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số 2563/2011/HĐ ngày 17/06/2011 và các văn bản sửa đổi bổ sung đính kèm số 1287/2014/1107958/HĐBD ngày 14/07/2014 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu công trình tại thửa đất số 760, tờ bản đồ số 2, BDC xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi và một số máy móc thiết bị phục vụ cho quá trình sản xuất.
- (2) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng tín dụng số 424B16 ngày 10/11/2016 với các điều khoản chi tiết sau:
- + Hạn mức tín dụng: 20.000.000.000 đồng hoặc ngoại tệ quy đổi tương đương;
  - + Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động và phát hành thư bảo lãnh, thư tín dụng có liên quan
  - + Thời hạn của hợp đồng: 6 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Theo từng khế ước nhận nợ;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017: 1.764.420.000 đồng
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Thế chấp máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 401/NHNT-KH/TC/15 ngày 14/09/2015 và hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 188/NHNT-KH/TC/16 ngày 09/06/2016.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:**

- (3) Khoản vay Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV theo hợp đồng vay số 01/HĐ/DTT ngày 09/05/2012, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Hạn mức tín dụng: 11.000.000.000 VND;
  - + Mục đích vay: Đầu tư thiết bị khuôn mẫu, xây dựng kho nguyên liệu, thành phẩm;
  - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: Lãi suất tại thời điểm vay là 14%/năm;
  - + Hình thức bảo đảm tiền vay: Tín chấp;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 141.926.400 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 141.926.400 VND.
- (4) Số dư tại thời điểm 31/12/2017 bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:
- (4.1) Khoản vay USD tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng tín dụng số 003D15 ngày 14/9/2015, với các điều khoản chi tiết như sau:
- + Số tiền vay: 47.600 USD;
  - + Mục đích vay: Mua sắm 1 máy thổi chai tự động DBS1000-2 và 1 máy ép phi chuyên PETDP210/1000
  - + Thời hạn của hợp đồng: 36 tháng;
  - + Lãi suất cho vay: 5,5%/năm;
  - + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ khoản vay;
  - + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 17.194 USD tương đương 389.959.920 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 389.959.920 VND.

(4.2) Bao gồm các hợp đồng tín dụng sau:

(4.2.1) Khoản vay VND tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây theo hợp đồng số 112-9/6/16/VIETCOMBANK-Bình Tây, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Số tiền vay: 900.000.000 VND;
- + Mục đích vay: Đầu tư máy dập nắp 16T;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 7,2%/năm
- + Các hình thức bảo đảm tiền vay: Tài sản hình thành từ khoản vay;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 187.500.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 187.500.000 VND.

(4.2.2) Khoản vay VND tại ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Tây theo Hợp đồng tín dụng theo dự án số 205C16 ngày 10/11/2016:, với các điều khoản chi tiết như sau:

- + Số tiền vay: 2.000.000.000 VND;
- + Mục đích: Đầu tư xây dựng kho thành phẩm tại địa chỉ: thửa đất số 760; tờ bản đồ số 2, xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, TP.HCM để phục vụ hoạt động sản xuất công ty;
- + Thời hạn của hợp đồng: 24 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 8,4%/năm
- + Hình thức đảm bảo: Thế chấp tài sản bao gồm 1 máy thổi chai tự động DBS1000-2, 1 máy ép phôi chuyên PETDP210/1000 loại servo và 1 máy dập nắp 16T;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 31/12/2017 là 846.052.172 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 846.052.172 VND.

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản nợ thuê tài chính:**

(5) Bao gồm các hợp đồng sau:

(5.1) Hợp đồng thuê tài chính số 2014-00196-000 ngày 26/11/2014, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho thuê: Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam;
- + Tài sản thuê: Máy thổi chai JG-2C100MM và Máy thổi chai JG-2C120MM;
- + Tổng giá trị hợp đồng: 49.698,81 USD;
- + Thời hạn thanh toán: 36 tháng;
- + Số dư nợ gốc còn phải trả tại thời điểm cuối năm là 5.110,81 USD tương đương 115.897.485 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 5.110,81 USD tương đương 115.897.485 VND.

(5.2) Hợp đồng thuê tài chính số 2015-00095-000 ngày 26/05/2015, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho thuê: Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam;
- + Tài sản thuê: Máy dập nắp SY-30By;
- + Tổng giá trị hợp đồng: 73.672,44 USD;
- + Thời hạn thanh toán: 36 tháng;
- + Số dư nợ gốc còn phải trả tại thời điểm cuối năm là 10.226,44 USD tương đương 231.951.345 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả trong 12 tháng tới là: 10.226,44 USD tương đương 231.951.345 VND.

**21 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	<b>Cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>81.518.200.000</b>	<b>29.270.228.800</b>	<b>3.120.886.497</b>	<b>3.777.615.716</b>	<b>117.686.931.013</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	8.140.574.358	8.140.574.358
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(400.000.000)	(400.000.000)
Chi cổ tức	-	-	-	(3.260.728.000)	(3.260.728.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>81.518.200.000</b>	<b>29.270.228.800</b>	<b>3.120.886.497</b>	<b>8.257.462.074</b>	<b>122.166.777.371</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>81.518.200.000</b>	<b>29.270.228.800</b>	<b>3.120.886.497</b>	<b>8.257.462.074</b>	<b>122.166.777.371</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	4.199.294.153	4.199.294.153
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(814.057.435)	(814.057.435)
Chi cổ tức	-	-	-	(5.706.274.000)	(5.706.274.000)
Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	485.923.384	(485.923.384)	-
<b>Số dư cuối năm này</b>	<b>81.518.200.000</b>	<b>29.270.228.800</b>	<b>3.606.809.881</b>	<b>5.450.501.408</b>	<b>119.845.740.089</b>

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 14/04/2017, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2016 như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	8.257.462.074
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,88%	485.923.384
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,86%	814.057.435
Chi trả cổ tức (bằng 7% vốn điều lệ)	69,10%	5.706.274.000
Lợi nhuận chưa phân phối	15,15%	1.251.207.255



**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
- Ông Phạm Đỗ Huy Cương	15,58%	12.698.700.000	15,58%	12.698.700.000
- Bà Phạm Thị Hằng	15,24%	12.425.300.000	15,24%	12.425.300.000
- Ông Lê Công Nghiệp	12,27%	10.000.000.000	12,27%	10.000.000.000
- Bà Ngô Ngọc Trân	12,27%	10.000.000.000	12,27%	10.000.000.000
- Ông Lê Quang Hiệp	10,51%	8.570.000.000	10,51%	8.570.000.000
- Các cổ đông khác	34,13%	27.824.200.000	34,13%	27.824.200.000
	<b>100%</b>	<b>81.518.200.000</b>	<b>100%</b>	<b>81.518.200.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	81.518.200.000	81.518.200.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	81.518.200.000	81.518.200.000
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	81.518.200.000	81.518.200.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	5.706.274.000	3.260.728.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	5.706.274.000	3.260.728.000

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.151.820	8.151.820
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.151.820	8.151.820
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.151.820	8.151.820
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.151.820	8.151.820
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	8.151.820	8.151.820
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**e) Các quỹ công ty**

	31/12/2017 VND	01/01/2017 VND
Quỹ đầu tư phát triển	3.606.809.881	3.120.886.497
	<b>3.606.809.881</b>	<b>3.120.886.497</b>

**22 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****a) Tài sản nhận giữ hộ**

Tại ngày 31/12/2017 Công ty đang nắm giữ 07 sổ đỏ của 7 lô đất thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Hùng Thịnh đảm bảo cho nghĩa vụ bán hàng trả chậm, cụ thể:

Địa chỉ lô đất	Diện tích (m2)
- Thửa đất số 93A, tờ bản đồ số 1, ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	1.168,50
- Thửa đất số 90, tờ bản đồ số 1, ấp Gành Gió, xã Cửa Dương, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang	106,90

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**

Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,

TP. Hồ Chí Minh

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

Địa chỉ lô đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )	
- Thửa đất số 98, tờ bản đồ số 7, thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	5.252,00	
- Thửa đất số 1672, tờ bản đồ số 6, ấp Thành Đông, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	4.125,00	
- Thửa đất số 138, tờ bản đồ số 50, ấp Thành Trung, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	846,90	
- Thửa đất số 1117, tờ bản đồ số 7, ấp Thành Bắc, xã Thành Long, huyện Châu Thành, tỉnh Tây Ninh	2.400,00	
- Thửa đất số 356, tờ bản đồ số 6, khu phố 2, phường Tân Kiểng, quận 7, TP. Hồ Chí Minh	650,00	
<b>b) Ngoại tệ các loại</b>		
	31/12/2017	01/01/2017
- Đồng đô la Mỹ (USD)	267.630,69	192,327.06
<b>23 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ</b>		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Doanh thu bán thành phẩm	119.716.623.621	124.845.494.101
Doanh thu bán hàng hóa	1.348.243.102	-
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.286.988.140	1.200.000.000
	<b>122.351.854.863</b>	<b>126.045.494.101</b>
<b>24 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN</b>		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm	103.845.037.892	104.713.556.286
Giá vốn của hàng hóa đã bán	282.997.134	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	273.988.188
	<b>104.128.035.026</b>	<b>104.987.544.474</b>
<b>25 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	7.776.151	26.507.851
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	29.117.286	46.748.545
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	184.380.204
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	4.945
	<b>36.893.437</b>	<b>257.641.545</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**26 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.682.540.689	1.396.718.228
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	20.718.987	111.544.544
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	7.633.781	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư dài hạn	274.424.351	(426.342.959)
	<b>1.985.317.808</b>	<b>1.081.919.813</b>

**27 . CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	29.777.184	7.554.284
Chi phí nhân công	2.461.615.709	2.049.838.039
Chi phí khấu hao tài sản cố định	59.515.554	68.649.228
Chi phí dịch vụ mua ngoài	511.319.589	283.212.375
Chi phí khác bằng tiền	1.731.162.341	1.999.574.953
	<b>4.793.390.377</b>	<b>4.408.828.879</b>

**28 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	241.261.187	-
Chi phí nhân công	1.639.637.810	2.544.024.101
Chi phí khấu hao tài sản cố định	283.227.947	257.297.453
Thuế, phí, lệ phí	562.044.090	746.500.733
Chi phí dự phòng	1.156.620.408	811.071.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	254.139.240	241.318.674
Chi phí khác bằng tiền	2.119.838.146	2.324.274.237
	<b>6.256.768.828</b>	<b>6.924.486.702</b>

**29 . THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	95.239.753
Thu nhập từ chuyển nhượng nhà xưởng	-	1.365.600.000
Thuế đất được hoàn	-	427.000.896
Thu nhập khác	54.533.996	42.312.156
	<b>54.533.996</b>	<b>1.930.152.805</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐỒ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**30 . CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Các khoản bị phạt	-	98.955.951
Xử lý hàng thiếu từ kiểm kê	-	93.874.641
Chi phí khác	544.120	1.408.245
	<b>544.120</b>	<b>194.238.837</b>

**31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	5.279.226.137	10.565.500.655
Các khoản điều chỉnh tăng	120.433.781	241.351.035
- Chi phí không hợp lệ	112.800.000	241.351.035
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	7.633.781	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	(184.380.204)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	(184.380.204)
Thu nhập chịu thuế TNDN	5.399.659.918	10.622.471.486
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)</b>	<b>1.079.931.984</b>	<b>2.124.494.297</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu năm	1.958.664.249	1.405.194.496
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong năm	(1.958.664.249)	(1.571.024.544)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.079.931.984</b>	<b>1.958.664.249</b>

**32 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	4.199.294.153	8.140.574.358
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	4.199.294.153	8.140.574.358
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	8.151.820	8.151.820
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>515</b>	<b>999</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính hàng năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**33 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	62.544.991.656	73.229.766.109
Chi phí nhân công	24.266.732.807	19.557.691.088
Chi phí khấu hao tài sản cố định	7.340.284.815	7.410.428.860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.652.786.505	9.289.010.397
Chi phí khác bằng tiền	10.781.500.093	8.684.131.784
	<b>115.586.295.876</b>	<b>118.171.028.238</b>

**34 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.912.221.892	-	7.914.003.867	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	35.092.511.531	<b>(2.883.624.301)</b>	33.468.132.311	<b>(1.727.003.893)</b>
Các khoản cho vay	1.133.170.139	-	1.136.167.943	-
Đầu tư ngắn hạn	72.000	-	72.000	-
	<b>44.137.975.562</b>	<b>(2.883.624.301)</b>	<b>42.518.376.121</b>	<b>(1.727.003.893)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	23.324.136.122	24.673.051.096
Phải trả người bán, phải trả khác	9.950.011.000	6.216.382.465
Chi phí phải trả	113.098.306	234.307.942
	<b>33.387.245.428</b>	<b>31.123.741.503</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

**Quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư.

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	72.000	-	-	72.000
	<b>72.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72.000</b>
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Đầu tư ngắn hạn	72.000	-	-	72.000
	<b>72.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>72.000</b>

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.912.221.892	-	-	7.912.221.892
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.943.553.910	265.333.320	-	32.208.887.230
Các khoản cho vay	1.133.170.139	-	-	1.133.170.139
	<b>40.988.945.941</b>	<b>265.333.320</b>	<b>-</b>	<b>41.254.279.261</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mãn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 01/01/2017</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.914.003.867	-	-	7.914.003.867
Phải thu khách hàng, phải thu khác	31.334.150.638	406.977.780	-	31.741.128.418
Các khoản cho vay	1.136.167.943	-	-	1.136.167.943
	<b>40.384.322.448</b>	<b>406.977.780</b>	<b>-</b>	<b>40.791.300.228</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 31/12/2017</b>				
Vay và nợ	23.324.136.122	-	-	23.324.136.122
Phải trả người bán, phải trả khác	9.443.091.000	506.920.000	-	9.950.011.000
Chi phí phải trả	113.098.306	-	-	113.098.306
	<b>32.880.325.428</b>	<b>506.920.000</b>	<b>-</b>	<b>33.387.245.428</b>

**Tại ngày 01/01/2017**

Vay và nợ	24.673.051.096	-	-	24.673.051.096
Phải trả người bán, phải trả khác	5.709.462.465	506.920.000	-	6.216.382.465
Chi phí phải trả	234.307.942	-	-	234.307.942
	<b>30.616.821.503</b>	<b>506.920.000</b>	<b>-</b>	<b>31.123.741.503</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**35 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ****a) Số tiền đi vay thực thu trong năm**

Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	50.127.528.578	55.568.028.636
--	----------------	----------------

**b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm**

Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	51.476.443.552	51.130.680.822
---	----------------	----------------

**CÔNG TY CỔ PHẦN KỸ NGHỆ ĐÔ THÀNH**Số 59-65 Huỳnh Mẫn Đạt, Phường 5, Quận 5,  
TP. Hồ Chí Minh**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017

**36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

**37 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm:

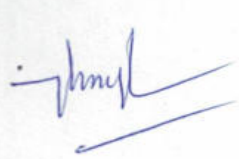
	Mối quan hệ	31/12/2017	01/01/2017
		VND	VND
<b>Phải thu ngắn hạn khách hàng</b>		<b>1.013.662.496</b>	<b>1.213.662.496</b>
Công ty Cổ phần Nhựa Đại Thành Long	Công ty liên doanh	1.013.662.496	1.213.662.496
<b>Cổ tức phải trả</b>		<b>551.740.000</b>	<b>751.740.000</b>
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông lớn	551.740.000	751.740.000
<b>Lãi vay phải trả</b>		<b>58.654.554</b>	<b>179.920.714</b>
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV	Cổ đông lớn	58.654.554	179.920.714


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:



	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Thu nhập của Tổng giám đốc	317.524.652	411.651.033
Thu nhập của Hội đồng quản trị và người quản lý khác	328.816.979	313.740.098

**38 . SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

  
 Trần Thị Thùy Dương  
 Người lập

  
 Nguyễn Hồng Nhung  
 Kế toán trưởng

  
  
 Lê Công Nghiệp  
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 02 năm 2018